NĂM THỨ BA — Số 117 Thứ năm — 21 Octobre 1943

TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HÓA RA HẰNG TUẦN

Mục lục

* Một vài nhận-xét... *Hoa-Bằng*
* Thu phong từ *Lãng Ngâm Tử*
* Những tên thành Hà-nội từ xưa đến nay *Nguyễn-văn-Tố*
* Trình độ cao thấp của các khoa học hiện thời *Nguyễn trọng-Thuyết*
* Những ông nghè triều Lê (LXV) *Ứng-Hòe*
* Câu chuyện con số trong thơ... *Kiều-thanh-Quế*
* Ở đâu Đông Tây gặp nhau ? *L.*
* Đại-Nam dật sự (XII) *Nguyễn văn-Tố*
* Lòng mẹ *Mộng-Sơn*
* Một buổi đi thăm làng Dừa (Hết) *Thi-Nham*
* Cháy cung Chương-võ (Tiểu thuyết, VII) *Chu-Thiên*

Tòa Báo : 95-97, phố Chanceaulme, Hanoi

Một năm 12$00 — 6 tháng 6$50 — 3 tháng 3$50 — Mỗi số 0$30

Một vài nhận-xét trong khi viết tiếng mẹ đẻ

HOA-BẰNG

ÀNG có chút kinh-nghiệm trong nghề cầm bút, chúng ta càng thấy cần phải thận trọng khi viết quốc-văn.

Nhiều người, khi viết van tây, vẫn phải uốn mình theo khuôn-khổ văn-phạm; khi viết văn tàu, họ lại cẩn-thận noi theo những lối thiên pháp, chương pháp, cú pháp... Nhưng đến lúc viết quốc văn, họ rất lạo thảo khinh suất, chẳng chịu giữ mẹo mực phép tắc gì cả! Tại sao có sự thân khinh, thân trọng, bên bấc bên chỉ như vậy? Chẳng qua vì họ ôm cái thành-kiến quá coi thường tiếng mẹ đẻ, nên mới cẩu thả trong khi hành văn như thế.

Thực ra, tiếng ta có nhiều cái đặc điểm, có nhiều cá-tính của nó. Lắm khi ta phải tế nhận, mới lĩnh-hội được cái hay và sử-dụng được nhằm đường.

Khác với tiếng pháp, loại phó-từ (adverbe) của ta có khi cũng có phân-biệt về giống (genre) để hợp với tiếng chủ-ngữ (sujet) mà nó đi theo:

***

Tí-ti và *lè-tè* là những tiếng phó-từ, nhưng tiếng trước chỉ về sự bé nhỏ, còn tiếng sau chỉ về sự thấp.

Khi tả một cái cột nhà thấp mà viết là thấp *tí-ti* thì rất sai với luật tự-nhiên của tiếng ta, cho nên cổ-nhân đã sành dùng chữ trong câu thờ này:

« *Năm gian nhà cỏ thấp* lè-tè »,

Chứ không viết:

Năm gian nhà cỏ thấp tí-ti.

***

Những tiếng *bố cu, mẹ cu, bố đĩ, mẹ đĩ* có thể hoặc là danh-từ (nom) hoặc là đại-danh từ (pronom).

Ở quê-thôn ta xưa, có một lối xưng-hô rất bình-dân, rất « xứ-sở »: Phàm những đàn ông đàn bà đã thành gia thất mà chưa có con thì thường bị hai bên cha mẹ hay ông chú bà bác kêu là *bố đỏ, mẹ đỏ*. « Đỏ » đây nghĩa là « son-rỗi ». Đến khi họ có con trai thì được kêu là *bố cu, mẹ cu*: nghĩa là bộ mẹ của *thằng* cu (con trai). Nếu có con gái thì họ là bộ mẹ của *cái đĩ* (con gái), nên được gọi là *bố đĩ, mẹ đĩ*. Vậy *cu* hay *đĩ* là tùy theo người ấy có con đầu lòng là trai hay gái.

Khi viết, cũng như khi nói, nếu dùng tiếng « bố cu » để chỉ về một người đàn ông nhà quê đã có con gái đầu lòng thì thật không đúng văn-phạm.

***

Vẫn cái lối phân-biệt ấy, phần nhiều những tiếng danh từ (noms), và hình-dung-từ (adjectifs) của ta cũng có giống cái, giống đực. Chẳng hạn, nói về bà Trưng-vương thì phải dùng những tiếng *anh thư* hoặc *nữ* anh hùng, chứ không thể nói là *anh hùng* trơn được. Vì *hùng* là tiếng thuộc về trống, về *đực*; còn *thư* thì là *mái*, là *cái*: Hai đằng không dùng lộn được.

Ngoài ra, ta còn có lối thêm tiếng « tiếp đầu » (préfixe) vào những tiếng danh-từ (noms) để đổi giống đực ra giống cái nữa Cử lệ:

Anh hùng, quân-tử, tú-tài, thi-sĩ, sinh, tướng, v. v. Đó là những tiếng về giống đực. Nay muốn đổi ra giống cái thì chỉ cần tiếp thêm chữ « nữ » ở đầu là được rồi: *Nữ* anh-hùng, *nữ* quân tử, *nữ* tú-tài, *nữ* thi-sĩ, *nữ* sinh, *nữ* tướng, v. v.

***

Tiếng « đều » của ta có thể là động-từ mà cũng có thể là phó-từ. Khi nào nó đi với chủ-ngữ số ít, mà không phải hợp về số, thì nó khác với tiếng động-từ *être* về số nhiều của Pháp. Ví dụ:

Chữ hán, chữ tây, chữ nhật anh Bình đều *thông-hiểu cả.*

Câu ấy có thể đảo lại: *Anh Bình thông hiểu cả chữ hán, chữ tây, chữ nhật.* Như vậy không cần

phải thêm tiếng « đều » vào nữa. Xem thế thì biết tiếng « đều » trong câu ví dụ trên không phải là một tiếng động-từ, mà chỉ là một tiếng phó-từ để giúp nặng thêm cho động-từ « thông - hiểu » thôi. Hai tiếng « đều... cả » tức là tiếng phó-từ, có nghĩa là « tất cả », hay « hết cả ».

Nói đến đây, tôi lại sực nhớ, có lần, một ông giáo-sĩ ngoại-quốc đã bẻ tôi về tiếng « đều » trong một câu tôi dùng chủ-ngữ số ít. Đó vì ông ấy hiểu theo mẹo tây, tưởng tiếng « đều » chỉ là động-từ về số nhiều, nên mới không lĩnh-hội được chữ « đều » có khi là phó - từ như trên đã nói.

***

Hai tiếng « tuyệt bút » ngày nay đã bị nhiều người dùng lầm một cách oan-uổng.

Tuyệt bút, chính nghĩa là đoạn tuyệt với ngòi bút, hoặc vì thương cảm mà không viết tiếp hoặc vì chết mất mà không viết thêm được nữa.

Khi chép kinh *Xuân-thu*, đến năm Lỗ Ai-công thứ 14 đi săn được con lân què, Khổng - tử thương cảm vì đạo mình đã suy hỏng, cùng-kiệt, bèn gác bút không chép nữa, nên lời chú trong *Tả-truyện* có câu : « Trọng-Ni tuyệt bút vu hoạch lân ». (Nghĩa là Trọng-Ni chép đến chỗ bắt được con lân thì dứt bút).

Ngày nay người ta dùng lầm « tuyệt bút », cho nghĩa như là « tuyệt diệu », nên mới viết quấy là « bài văn *tuyệt bút* » hoặc « câu thơ *tuyệt bút* ». Thực ra phải nói là «...tuyệt diệu » mới đúng.

***

Các và *những*. — Về vấn đề này, nếu tôi không nhớ lầm, ông Phan Khôi trên tờ *Phụ nữ tân văn* và ông Huỳnh-thúc-Kháng trên tờ *Tiếng-Dân*, đã từng có bài bàn luận và trao đổi ý kiến. Nay tôi xin góp chút ngu ý :

Trước kia, tôi đã có dịp giúp một bà nữ-sĩ ngoại-quốc tập viết quốc-văn. Bà ấy học rất rộng, lại rất thông-thạo tiếng nước ta. Bà ấy đã có thể viết những vấn-đề về triết-học, về thần-đạo học bằng tiếng nam được. Nhưng trong bài của bà thường hay dùng lộn những tiếng « các » và « những ». Bài nào cũng vậy, hễ bà đặt đến câu nào có « các » hoặc « những » thì tôi thường phải sửa lại. Bà để ý đến chỗ « khó » ấy, có hỏi tôi về cách phân-biệt hai tiếng ấy, tôi có cắt nghĩa đại khái như vầy :

Những và *các* đều là những tiếng quán từ (articles), nhưng có rộng hẹp khác nhau, có chỉ-định và không chỉ-định khác nhau.

Những để chỉ-tỏ sự vật trong một phạm vi đã quy-định và hẹp hơn :

Các *nhà ở làng X đều bị cháy : duy có những nhà ở xóm Chùa là thiệt-hại hơn cả.*

(*Xem tiếp trang 23*)

Thơ dịch

THU PHONG TỪ

Thu phong khởi hề bạch vân phi,
Thảo mộc hoàng lạc hề, nhạn nam qui
Lan hữu tú hề, cúc hữu phương,
Hoài giai nhân hề, bất năng vương.
Đăng lâu thuyền hề, tế Phần-hà
Hoành trung lưu hề, dương tố ba,
Tiêu cổ minh hề, xướng trạo ca,
Hoan lạc cực hề, ai tình đa,
Thiếu, tráng kỷ thời hề, nại lão hà,

HÁN VŨ ĐẾ

秋風辭

秋風起兮白雲飛草木黃落兮雁南歸
蘭有秀兮菊有芳懷佳人兮不能忘
登樓船兮濟汾河橫中流兮揚素波
箫鼓鳴兮唱棹歌歡樂極兮哀情多
少壯幾時兮奈老何

漢武帝

Dịch nghĩa

Gió thu thổi lá tơi bời,
Một mầu mây trắng tung giời như bay.
Sương thu vàng rụng cỏ cây,
Về nam, phấp phới nhạn bay từng đàn
Xanh tươi còn có một lan,
Thơm tho có cúc, muôn vàn hương đưa.
Nhớ ai ai nhớ bây giờ,
Nhớ ai, luống những ngẩn ngơ bên lòng!
Lênh đênh nhẹ chiếc thuyền bồng,
Thuận buồm, xuôi gió, trên sông Phần hà.
Nhấp nhô trắng xoá thuỷ ba,
Khúc tiêu cổ, lần câu ca dịp chèo,
Vui nhiều, thương nhớ cũng nhiều,
Trẻ trung phỏng được bao nhiêu mà già!

LÃNG NGÂM TỬ

Những tên thành Hà-nội từ xưa đến nay

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TÓ

Ông Sở-bảo Doãn-kế-Thiện mới ra một quyển sách đề là *Hà-nội cũ* (do nhà Đời mới xuất-bản, được 125 trang 11x19), trong chép những chuyện « Ông Ầm » cửa đông, Đình Yến-lão, Bãi quần ngựa của chú Cầu, Cây dừa bêu đầu, Xóm học trò, Vũng voi giảy, Hồ xác trẻ, Quan huyện Thọ khéo xử kiện, Vị thần gọt gáy bôi vôi, Pháp trường bãi gáo, Giai Ngõ-trạm, gái Tạm-thương, Mồ chú Phần, Cô hàng hương trước cửa chùa quan Thượng, Cô thày tướng trước Van-miếu, Trường thi hương Hà-nội, Khóa Liến với ông tiền-quân Thành, Tháp Tuyết-ni, Bà Tiết chặt ngón tay, Cây cổ-thụ với ông Hoàng-diệu, Điếm Vẻ,— toàn theo lối tục truyền về một vài nơi ở trong thành Hà-nội ngày xưa.

Tục-truyền cũng là một thứ sử-liệu, cần phải tìm-kiếm gom-góp, cũng như bia đá sách-vở hoặc những dấu vết cũ. Về sách vở, hiện có mấy quyển chữ nho chưa ai dịch ra quốc-ngữ, nay nhân có sách ông Sở-bảo, tôi lược ra đây để độc-giả biết đầu tiên gọi tên Hà-nội là gì và mỗi đời thay đổi ra sao.

Còn danh-lam thắng-cảnh, thành quách phố-phường, thì đã có sách chữ tây và sách quốc-ngữ. Sách chữ tây có quyển André Masson, *Hanoi pendant la période héroïque (1873 1888)*, Claude Madrolle, *Hanoi et ses environs* Claude Bourrin, *Le vieux Tonkin*, v.v. Sách quốc-ngữ có *Bài hát ba mươi sáu phố Hà-nội* in trong *Quốc tập viêm văn* (E. Nordemann, *Chrestomathie annamite*, bản in năm 1898, trang 116-118).

Ba mươi sáu phố ấy đặt ra từ bao giờ? Quyển *Hà-nội địa-dư* (viết bằng chữ nho, bản sao của Trường Bác-cổ số A 1154, tờ 3b và 13a) chép đời Lê Thánh-Tông (năm Quang-thuận thứ bảy, 1466) đặt ra huyện Quảng-đức và huyện Vĩnh-xương, mỗi huyện 18 phường 2 huyện thành 36 phường.

Hiện nay Hà-thành có 306 phố, chưa kể những đường mới mở và những làng thuộc khu Đại-lí (xem quyển V. Châu, *Indicateur général de la ville de Hanoi*, xuất bản năm 1941).

Người Pháp có lập ra một hội gọi là « Les Amis du Vieux Hanoi » (Những bạn thành Hà-nội cũ) để tìm tòi sự-tích Hà-thành. Các nhà khảo cổ của ta cũng nên góp sức nhau lại, mà sưu-tầm và nghiên-cứu ở các sách chữ nho và các dấu vết còn lại. Riêng phần tôi, xin theo sách cũ xem tên « Hà-nội » có từ bao giờ. Các sách chữ nho *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*, chính-biên, quyển 21, tờ 33 a; *Thiên Nam dư-địa khảo* bản sao của Bác-cổ, số A 1375, quyển 8, tờ 10b) đều chép hai chữ « Hà-nội », nghĩa đen là giữa sông có từ năm Minh-mạng thứ 12 (1831).

Thoạt tiên về đời vua thứ ba họ Hồng-bàng (khoảng năm 2611-2477 (?) trước Thiên-Chúa), nước ta chia ra làm 15 bộ; trong 15 bộ ấy, có bộ Giao-Chỉ: tỉnh thành Hà-nội sau này là một phần của bộ Giao-chỉ đời ấy (*Đại-Việt sử-ký* tiền-biên, quyển 1, tờ 5a; *Đại-Việt sử ký toàn-thư*, tiền-biên, quyển 1, tờ 3a; *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 1, tờ 3a-4b chính-biên, quyển 21, tờ 25 b và 32 b).

Đại-Nam quốc-sử diễn-ca (bản chữ nôm, tờ 2 a) có câu: « Định (Nam-định), Yên (Hưng-yên), Hà-nội đổi thay, Ấy châu Giao-chỉ xưa nay còn truyền »: có lẽ bà chữ « châu Giao-chỉ » không đúng vì lúc ấy mới có « bộ » Giao-chỉ đến đời Hán có « quận » Giao-chỉ, cuối đời Hán mới có « Châu-giao », chứ không phải « châu Giao-chỉ ».

Đời Tần (214 trước T. C.) Hà-nội là một phần đất thuộc về Tượng quận (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 21, tờ 24b và 32b).

Đời Hán (niên-hiệu Nguyên đỉnh tức năm 111 trước T.C.) Hà-nội là huyện Long-biên, thuộc quận Giao chỉ (*Hà-nội địa-dư*, tờ 3a). Hán Vũ-đế sau khi đã diệt con cháu Triệu-Đà, chia đất Nam-Việt làm chín quận mỗi quận đặt một chức thái-thú, đều thuộc vào một bộ gọi là bộ Giao-chỉ; bộ đặt chức thứ-sử: trong chín quận ấy có một quận tên là Giao-chỉ.

Đời Tiền-Hán (111 trước T. C. đến 24 sau T. C.) quận Giao-chỉ lĩnh 10 huyện, có huyện Long-biên (*Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 1, tờ 3b 5a). Đời Hậu-Hán (25-263 sau T. C.) quận Giao-chỉ lĩnh 12 huyện (xưa gọi là thành), cũng có huyện (hoặc

thành Long-biên (*Hậu-Hán thư*, quyển 33, tờ 7b). Sở dĩ gọi là Long-biên, là vì tương-truyền có con giao-long cuốn ở giữa sông *Thái-bình hoàn-vũ ký*, quyển 170, tờ 7a; *Nguyên hòa quận huyện chí*, quyển 38, tờ 5b).

Khâm-định Việt-sử (tiền-biên, quyển 2, tờ 7b) dẫn ở *Thủy kinh chú* rằng: « Nguyên trước là Long-biên, đến đời Kiên-an (196-220 sau T.C.) đổi là Long-uyên ». Mở *Thủy-kinh chú* (bản in của Bác-cổ số 2067, quyển 37, tờ 7b) ra xem thì thấy nguyên trước là Long-uyên, sau đổi là Long-biên: như thế thì *Khâm-định* chép nhầm.

Long-biên là chỗ dinh thứ-sử và thái-thú đời Hán (*Thái bình hoàn-vũ ký*, quyển 170, tờ 7a; *Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 2, tờ 6b 7b, *Hà nội địa-dư*, tờ 3a).

Đến đời Tam-quốc, về năm 226 sau T.C., nhà Ngô chia nước Nam làm hai châu, là châu Giao và châu Quảng; sau lại bỏ châu Quảng sáp nhập với châu Giao. Năm 264, lại chia làm hai châu như cũ đặt dinh thứ-sử châu Giao ở Long-biên (*Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 3, tờ 3a và 10a): như thế thì có lẽ Hà-nội vẫn là đất Long-biên.

Đến đời Tấn (265-418) cũng vậy, vì sử chép năm 323 Lương-Thạc vậy thứ sử châu Giao ở Long-biên và hạ được thành (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 4, tờ 7 b-8 a).

Về đời Lương (541-602), nước ta có Lý-Bôn (tức Lý Nam-đế) và Triệu Quang-Phục tự-chủ một hồi. Hà-nội vẫn tên là Long-biên, vì sử chép năm 541 vua Tiền Lý đuổi thứ-sử là Tiêu-Tư và giữ lấy thành Long-biên; năm 550 Triệu Quang-Phục đánh đuổi tướng nhà Lương là Dương-Sàn, rồi vào ở trong thành Long-biên (*Đại-Việt sử ký toàn-thư*, quyển 4, tờ 15 a và 19 a; *Khâm định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 4, tờ 1 a và 8 b).

Những người Pháp truyền khảo sử Nam (như ông Henri Maspero, *Le protectorat général d'Annam sous les T'ang*, đăng trong *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, quyển X, năm 1910, trang 569 575; ông Cl. Madrolle, *Le Tonkin ancien*, đăng trong *B.E.F.E.O.*, quyển XXXVII, năm 1937, trang 296-302) đều nói Long-biên nay là đất Bắc-ninh. Nguyên bộ *Đại-Việt sử-ký toàn thư* (quyển 3, tờ 8 a) ép « Sĩ-vương đóng đô ở Liên-lâu », dưới chữ Liên-lâu có chua chữ « tức Long-biên », mà xét ra Liên lâu ngày nay là làng Lũng-khê, ở tỉnh Bắc-ninh; cho nên cũng nhận Long-biên là đất Bắc-ninh. Nhưng không phải thế, vì quận Giao chỉ về đời Tiền Hán có mười huyện, trong có huyện Liên lâu huyện Long-biên; về đời Hậu Hán, 12 huyện, cũng có huyện Liên-lâu, huyện Long biên: như thế là hai huyện ở hai khu đất khác nhau, chứ không phải Liên-lâu là Long-biên như quyển *Toàn-thư* đã chép. Vả lại ông Lê-quí Đôn (Lê Quế-đường) có câu: « Huyện đời Hán rất rộng, có lẽ gồm cả đất Kinh bắc (tức Bắc ninh) » (*Hà-nội địa-dư*, tờ 3 a, dẫn vào). Lại xem bộ *Thái-bình hoàn vũ* (quyển 170, tờ 7 a b) chép: huyện Long-biên có đài Vạn-xuân, tức là điện Vạn-xuân của Lý Nam đế (Lý-Bôn), hiện nay thuộc Thanh-trì (*Khâm-định Việt-sử*, tiền biên, quyển 4, tờ 3 a); huyện Giao-chỉ, tức huyện Liên-lâu đời Hán, có thành An-dương ở huyện Từ liêm, Bắc ninh, (*Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, quyển 1, tờ 9 a): như thế có phải rõ-ràng hai huyện khác nhau, không thể làm một được không?

Đến đời Tùy (589-617), đời Đường (618-905) đất Hà-nội vẫn là huyện Long-biên đời Hán; tuy có xê-xích đi năm mười dặm, nhưng vẫn đúng tên đất.

Năm 679, nhà Đường đặt « An-nam đô-hộ-phủ » ở châu Giao (*Khâm-định Việt-sử*, tiền biên, quyển 4, tờ 18 a). Châu Giao lúc ấy nhỏ hơn trước, vì lúc bấy giờ cả nước gọi là đô-hộ phủ, chia ra làm 12 châu, trong số 12 châu ấy, có châu Giao, dinh đô hộ phủ đóng ở đây. Châu Giao bây giờ có 8 huyện: Tống bình, Giao-chỉ, Long-biên, v. v. Có lẽ đất Hà nội vẫn là huyện Long biên.

Năm 767, kinh-lược-sứ là Trương bá-Nghi đắp La thành (*Khâm định Việt-sử*, quyển 4, tờ 24 a) ở Long-biên (*Khâm-định*, quyển 5, tờ 11 b): dấu vết hãy còn ở thành Hà nội bây giờ.

Năm 791, Triệu Xương lại đắp thêm La-thành (*Khâm định*, quyển 4, tờ 27 a). Năm 808 809, Trương Chu sửa lại đắp thêm, gọi là thành Đại la (*Khâm-định*, quyển 4, tờ 28 b). Đến năm 824, Lý nguyên Gia dời dinh đô hộ ra ngoài cửa Đông-quan trên bờ sông Tô lịch (*Khâm-định*, quyển 4, tờ 31 a): thành Đại-la ở Long biên, thành của Lý-nguyên Gia ở sông Tô-lịch: như thế vẫn là ở trong địa-hạt Hà-nội bây giờ.

Đến năm 825 nhà Đường dời phủ đô hộ đến Tống bình (*Khâm-định*, quyển 4, tờ 32 a). Huyện Tống-bình dời Đường ở phía nam phủ đô hộ, tức là chỗ đất huyện Long-biên đời Hán (theo *Phương-dư kỷ yếu* của Cố tổ Vu đời Minh, *Khâm định* dẫn vào). Xem quyển *Thanh nhất thống chí* chép: « Huyện Tống-bình thuộc châu Giao có thành Liên-lâu cũ ở phía

(Xem tiếp trang 16)

Trình độ cao thấp của các khoa học hiện thời

NGUYỄN TRỌNG THUYẾT

NHỮNG khoa-học thuộc về lý-luận (Sciences logiques) như Toán học, Số-học, Hình-học thì hiện giờ đã đi tới một trình độ khá cao. Cách xếp đặt các vật học hay các mục-đề của chúng đã theo được một thứ-tự chắc chắn không thể chối cãi được. khá cao, chớ chưa phải là tối cao, tuyệt cao, nghĩa là các khoa ấy còn có thể tấn phát hơn nữa. Cái số các mục-đề của chúng còn có thể thêm lên, mỗi mục-đề của chúng còn có thể bành trướng hơn giờ. Những dầu sau này bành trướng đến bực nào nữa nhưng cái thứ-tự đã tìm thấy kia cũng không thay đổi được nữa. Vì thế các khoa ấy đã đáng với cái danh khoa học.

Những khoa-học thuộc về sự quan xát (Sciences d'observation) như Thiên văn, Địa-lý, Vạn vật học, thì hiện giờ còn ở một trình độ sơ khai, hay rất thấp. Cách xếp đặt các mục-đề ở trong các môn ấy còn lộn-xộn chưa thấy một thứ tự nào chắc chắn. Đó là cái hiệu chứng rằng sau này các môn ấy còn tấn phát nhiều, còn xanh chồi nẩy lộc ; mỗi môn, mỗi gốc sau này sẽ phân tách ra nam bầy ngành. Mỗi ngành lúc bấy giờ sẽ thành một khoa mới.

Bao giờ mỗi ngành sanh trưởng đến cùng-cực mà không còn nẩy ra được ngành phụ nữa, thì lúc bấy giờ các khoa học của loài người mới đến chỗ tối cao. Cái ngày ấy có thể có được không ? Mình không thể biết trước được.

Theo các nhà khoa-học văn sĩ (écrivains scientifiques) bàn luận, nếu cái ngày ấy có thể có được thì tất cả các ngành hay là các khoa sẽ họp lại mà thành ra một khoa toàn thể, cái khoa-học của loài người, cái Cây khoa học của loài người.

Cái điều phỏng ước đó chưa chắc đã đúng sự thiệt. Nhưng nếu có thể thành sự thiệt được thì cái ngày kia cũng còn xa lắc xa lơ.

***

Dưới này tôi mang một khoa học quan xát ra, như khoa Động vật học vừa nói tới trong bài trước, để xét xem cái trình-độ của nó hiện ở vào bực nào, làm tỷ dụ, để độc giả nhận thấy rõ-ràng là các khoa học quan xát hiện giờ còn đang ở một bực rất thấp kém.

Cứ xem qua cách xếp đặt các động vật tức là các mục-đề của khoa Động vật học hiện giờ đã thấy ngay cái lộn-xộn chưa theo một thứ-tự nào chắc chắn không thể chối cãi được.

Còn lộn xộn như thế là vì nhiều lẽ.

Các Động vật là những vật có từ bao giờ kia và nhiều lắm. Loài người dễ thường chưa biết hết, mà cũng chưa quan xát được mỗi loài, mỗi thứ mỗi hạng cho kỹ càng thâu đáo. Đã không biết được tất cả các Động-vật hiện có một cách tinh-vi đều như nhau thì tự nhiên sự xếp đặt chúng còn lộn-xộn.

Mà ông Tạo gây ra các Động vật, có theo một thứ tự nào không ? Thứ-tự về trí thông-minh ; thứ-tự về tài-năng (bay, lội, đi ; có thể dùng tay làm nhiều hay ít công chuyện,...) ; thứ tự về sự kiến-thiết (organisation) ; thứ-tự về số nhiều ít, sự tinh-vi của các cơ quan cảm giác ; v.v.

Trong bất bao nhiêu là thứ-tự có thể dùng được, ông Tạo có theo một thứ-tự nào không ? Hay ông lại theo cái luật thừa-trừ ? Trong một con vật, đứng về phương-diện này mà xét thì hơn mà đứng về một phương diện khác mà xét thì lại kém ? Nếu như vậy thì không bao giờ khoa Động vật học của loài người có thể xếp đặt các Động vật hay các mục-đề của nó theo một thứ tự chắc-chắn được. Nếu quả như vậy, ông Tạo đã không để một ý tưởng thứ-tự nào trong các vật đó, thì loài người cũng không thể tìm kiếm ra một thứ-tự nào được.

Nhưng có lẽ ông Tạo không đến nỗi lộn-xộn quá như vậy. Cái thứ tự kia, mình chưa xét ra đó thôi.

Khoa Động vật học đã xếp đi xếp lại các Vật học tức các mục-đề của nó mấy lần rồi, mỗi lần đứng về một phương-diện để xếp, mà cũng chưa tìm thấy một thứ tự nào chắc-chắn.

Cách xếp đặt đầu tiên là cách xếp theo *Nòi*, *Loài*, *Giống*, *Họ*, *Thứ*, *Hạng* và *Ngành*. Cách xếp đặt đó rất lộn-xộn vì nó dựa theo

sự hiểu biết tầm thường sơ sài của loài người lúc mới biết quan sát.

Nửa trên (*nòi, loài, giống, họ*) là chỗ nhờ sự nhận biết thường ngày (connaissance empirique) mà phân biệt thì còn lộn xộn lắm.

Người ta phân *Nòi* của các con vật một cách rất lộn xộn ; lúc theo cái tên quê quán của con vật mà đặt tên cho nó tỷ dụ như Epagneul; lúc theo sự ích kỷ mà đặt tên, tỷ dụ như Levrier ; lúc theo hình-dáng đặc biệt mà đặt tên, tỷ như Basset ; mà nòi nào đã có tên trong thường ngữ rồi thì cứ để nguyên, tỷ như Dogue.

Đẳng cấp danh từ mà đặt, để, lộn-xộn như vậy, không theo một giòng tư-tưởng nào, không theo một thứ tự nào, thì biết đằng nào mà rờ, sao có hợp với tính cách khoa học là sự thứ tự được.

Trên *Nòi* (race) là *Loài* (espèce). Nhưng *Loài* lại theo một giòng tư tưởng khác là sự ích kỷ, nuôi được hay không nuôi được ở trong nhà để giúp việc cho người.

Trên *Loài* là *Giống* (genre). Đây lại theo một giòng tư tưởng khác là coi cái hình-dáng của các con vật xem con nào giống con nào, rồi lấy ngay tên chữ (chữ la-tinh) của một con trong đó mà đặt tên giống.

Tên *Giống* là *Họ* (famille). Đây cũng theo hình-dáng mà xếp. Giống nhau nhiều là cùng một *Giống*; Giống nhau ít là cùng một *Họ*

Bốn bực đó nhờ sự nhận biết sơ sài mà phân biệt, có phải còn lộn-xộn lắm không !

Thống chế Pétain đã nói :

« Chúng ta đừng nên chia rẽ nhau vì những ý tưởng viển vông, nên họp sức lại mà tìm phương kế hàng ngày giúp nước ».

Ba bực sau này : *Thứ*, *Hạng*, *Ngành* nhờ sự quan sát học hỏi kỹ càng hơn mà phân biệt thì đã có vẻ khoa học hơn, có thứ tự hơn vì có theo một giòng tư-tưởng là xét con vật đối với con vật, chớ không phải xét con vật đối với người nữa, có ích hay không có ích, giống nhau ít hay giống nhau nhiều.

Tuy có theo một giòng tư-tưởng, nhưng cũng chưa được hoàn hảo chỉnh đốn, cứ xét lặt vặt từng bộ-phận trong thân thể con vật (rạng, vú, xương sống) chớ không xét theo toàn thể của con vật.

Động vật học lúc bấy giờ chưa đáng gọi là một khoa học. Nó mới là một mớ tri-thức thường thường (connaissances usuelles) còn sơ-sài (encore imparfaites) và lộn-sộn (et désordonnées).

Vì vậy Cư-Viết (Cuvier) mới bác bỏ cái cách xếp đặt lộn-xộn thiếu khoa học ấy đi mà xếp lại các Động vật theo một giòng tư-tưởng khác. Ông so sánh cái cách kiến-thiết (plans d'organisation) của cả toàn thể con vật xem cách nào cẩn thận kỹ càng hơn cách nào mà xếp đặt thứ-tự. Xét qua về cách kiến-thiết của toàn thể con vật, ông thấy có thể chia các Động vật ra làm bốn Ngành như sau này :

1) Ngành có xương sống (vertébrés).

2) Ngành có cái thân chia ra từng khúc nối liền lại với nhau (Articulés).

3) Ngành, toàn thân chỉ là một cục thịt mềm, ngoài có cái vỏ nhỏng bao phủ (Mollusques).

4) Ngành, toàn thân là một cục thịt nhung không có vỏ, mà xung quanh chia ra như từng gốn từng cành

Mỗi *Ngành* còn chia ra nhiều *Hạng*, nhiều *Thứ*, nhiều *Giống*, nhiều *Loài*, nhiều *Nòi*, tùy theo sự xem xét hiểu biết kỹ càng.

Môn Động vật học đến cái trình độ ấy tức là đã bắt đầu thành một khoa học rồi. Sự xếp đặt các vật học của nó (les objets de cette science đã có thứ-tự lần hoi theo một giòng tư-tưởng rồi

Nhưng cái thứ tự ấy cũng chưa được tinh vi chắc chắn. Nếu cách kiến thiết của cả toàn thể có tỉ mỉ kỹ càng hơn mà chẳng lợi hơn điều gì thì cũng vị tất đã là hơn, có khi lại là kém cũng nên. Cùng một công việc y nhau (une même fonction), cùng một hiệu quảy nhau (même rendement) thì cái máy giản-dị nhất là cái máy tinh xảo nhất. Nếu cái công việc kia và cái mục đích kia là sự sanh-tồn thì lấy cái lý gì mà xếp cái *Ngành* cái xương sống trên hay dưới các *Ngành* không có xương sống ?

Học hỏi, quan xát, hiểu biết hơn nhiều, khoa Động vật học hiện giờ lại xếp đặt các Động vật theo

Xem trang tiếp 18

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 65

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

15. — Đoàn - huệ - Nhu, người làng Phù-vệ, huyện Ngự-thiên, phủ Tân-hưng, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi, hiệu hồng-đức thứ 18 (năm 1487) đời vua Lê Thánh-tông (1460-1497). Tuyển vào Hàn-lâm, dự 28 ngôi trong Tao - đàn, làm quan đến thừa-chính-sứ (hoặc thừa - tuyên - sứ). Có 12 bài thơ cận-thể chép trong bộ Toàn Việt thi-lục của ông Lê-quí-Đôn (Bản sao của Trường Bác-cổ, số A 1262, quyển 14-16, tờ 33 a-34 a) đề như sau này: *Thiên - vực - giang hiểu phát* (Sáng ngày nhổ neo ở sông Thiên-vực), *Quang - đức điện cảm thành* (Lên đền Quang-đức cảm-hứng thành thơ), *Hạnh Kiến-thụy đường* (Ngự nhà Kiến-thụy), *Trú Thúy-ai châu* (Dừng chân ở châu Thúy-ái), *Bách cốc phong đăng* (Trăm giống thóc tốt nhiều), *Quân-đạo* (Đạo làm vua), *Thần tiết* (Tiết làm tôi), *Giao tưởng anh hiền* (Xa nhớ người hiền-tài), *Kỳ thi* (khi lạ), *Thư thảo hi thành* (Soạn xong bản-thảo, bỗng làm bài thơ), *Văn-nhân* (Người văn-nhân), *Mai-hoa* (Hoa mai), đều là thơ phụng họa ngự-chế (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 36 a; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 88a-b).

16. — Phạm-Tĩnh, người làng Tam-á, huyện Gia-định (nay Gia-bình) phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Năm mậu-ngọ (1498) niên-hiệu Cảnh-thống, phụng mệnh sung chức phó sứ cống-bộ (là phái-bộ sang cống bên Tàu), rồi làm quan đến chức hữu-thị-lang. Năm kỷ-tị (1509), niên-hiệu Đoan khánh, vua sai ông làm chức ký-lục, cùng phó-tướng là Lê-Vũ đem cấm quân đi chống nhau với Lê Tương dực-đế, quân thua, ông chết ở Châu-kiều, tức xã Châu-cầu, tỉnh Hà-nam bây giờ (chép theo *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 111 a-b). *Đăng khoa lục* (quyển 1, tờ 36 a) và *Lịch-triều hiến-chương* (Nhân-vật chí) chép ông hai lần đi sứ, làm quan đến thượng-thư; khi nhà Mạc tiếm ngôi (1527), ông không chịu khuất, được phong là tiết-nghĩa. Là cha ông Phạm-Điền, đỗ đồng-tiến-sĩ năm 1541.

17. — Đặng - Tán, người làng Mạo-bồ (hoặc Mạo phố), huyện Sơn-vi, phủ Thao-giang, trấn Sơn-tây. Năm 29 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến Lại-bộ tả - thị - lang, phụng mệnh sung chức chánh-sứ cống-bộ sang Tàu (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 76 b). *Đăng khoa lục* (quyển 1, tờ 36 a) chép ông làm đến hữu-thị-lang. Ông là con ông Đặng-Di, đỗ nhị-giáp năm 1453, em ông Đặng-tùng-Củ, đỗ tam giáp năm 1484 và ông Đặng-minh-Khiêm, đỗ nhị - giáp cùng năm 1487, là cháu họ (cháu gọi bằng chú) ông Đặng-Thận đỗ tam-giáp nam 1484 và Đặng-Điềm đỗ tam-giáp năm 1490, ở huyện Lập-thạch.

18. — Đỗ-thuần-Thông, người làng Tử-kiều, huyện Đông-an, phủ Khoái-châu, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Đổi tên là Đỗ-thuần-Thứ. Bắt đầu làm quan Hàn-lâm hiệu-lý. Được dự vào 28 ngôi sao trong Tao-đàn. Làm quan đến chức thừa-chánh-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 61 a; *Đăng khoa lục*, quyển 1 tờ 36 a).

19. — Nguyễn-trinh-Biểu, người châu (bãi) Các-sa, huyện Yên-lạc, phủ Tam-đái, trấn Sơn-tây. Năm 35 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức tham chính (*Đăng khoa bị khảo* quyển Sơn-tây, tờ 51 a; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 36 a).

20. — Hoàng - ngạn - Chương, người làng Mĩ-dương, huyện Nghi-xuân, phủ Đức-quang, trấn Nghệ-an. Năm 25 tuổi, đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức thừa-chính-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Nghệ-an Hà-tĩnh tờ 11 a; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 36 a).

21. — Phạm - hòa - Xuân, người làng Xà - kiều, huyện Sơn-minh phủ Ứng-thiên, trấn Sơn - nam Năm 27 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487 (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 57 a; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 36 a)

22. — Nguyễn-thận-Lễ, người làng Phù-lỗ, huyện Kim-hoa, phủ Bắc giang, trấn Kinh-bắc. Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Là em ông Nguyễn-Tĩnh đỗ tam-giáp nam 1475 và Nguyễn-dương-Hiến cũng đỗ tam - giáp năm ấy; — là ông họ ông Nguyễn-đôn-Mục đỗ nhị-giáp năm 1547 (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 69 b)

23 — Lưu-Túc người làng Vô-thai, huyện Bạch-hạc, phủ Tam-đái, trấn Sơn-tây. Năm 35 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến thượng-thư. Khi Mạc Đăng-Dung tiếm nghịch (năm 1527), ông giữ tiết; không chịu khuất. Đến đời Lê trung-hưng khen ông vào bậc tiết-nghĩa (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 61 b; *Lịch-triều hiến-chương*, Nhân-vật chí).

24. — Vũ-Mật, người làng Tuy-lai, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương Đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức tả-thị lang (*Đăng khoa bị khảo*, tỉnh Hải-dương, tờ 13 a).

25. — Nguyễn-Ngung, người làng Hữu-bằng, huyện Thạch-thất, phủ Tam-đái, trấn Sơn-tây. Năm 19 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức Hàn-lâm viện hiệu-thảo (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 36 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 38 b).

Đã có bán:

NGUYỄN TUÂN

QUÊ HƯƠNG

512 trang. — In đẹp
Bản thường: 5$00
Bản Gió Vân (hết)
Bản Impérial Đại La: 20$00.
(còn một số ít)

Anh Hoa
69 hàng Than Hanoi

26. — Nguyễn-ích-Kỳ (*Đăng khoa bị khảo* chép là Linh), lấy tên bộ ở phường Bảo-thiên, huyện Vĩnh-xương, phủ Phụng-thiên, trấn Sơn-nam. Nhà ở huyện Đông-an. Năm 28 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức Hàn-lâm (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 36 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 61 a).

27. — Trình-chí-Sâm, người làng Khúc-phố, huyện Vĩnh-xương, phủ Phụng-thiên, trấn Sơn nam. Nhà ở làng Từ-hồ, huyện Đông-an. Năm 28 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Được vua Lê Uy-mục-đế (1504-1509) thân dùng. Kịp khi có biến, giặc bức thành, vua phải ra dự quân, cho ông thanh kiếm để hiệu-lệnh các tướng sĩ. Nhân cùng ông Lê quảng Độ làm nội ứng cho vua Trương dực-đế (1509 1516). Năm canh-ngọ (1510) hiệu Hồng thuận, tuổi đã 51, được thang Công bộ thượng-thư Coi việc chấm thi hương khoa tân-mùi 1511. Sau vua Tương-dực-đế sinh ra hoang-tứng, ông cùng với ông Trịnh-duy Sản mưu việc phế lập. Khi vua đã bị hại rồi ông cùng với ông Trịnh-duy-Sản đón vua Lê Chiêu-tông nối ngôi (năm 1516) Lần lần thăng đến chức thượng thư coi cả sáu bộ, kiêm Đông-các đại học-sĩ, Thiếu-bảo, Từ-hồ-bá Rồi cùng với ông Nguyễn-thời-Ung theo Mạc Đăng-Dung (1527-1529): vua Lê Chiêu tông bắt giam ở điện Quỳnh-vân, chưa kịp gia tội thì xảy việc vua Chiêu-tông phải lánh lên Sơn-tây (năm 1522). Mạc Đăng-Dung tha ông, ông bèn giúp nhà Mạc (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 61 b; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 36 b). Ông có soạn văn bia ở lăng vua Lê Túc-tông (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 25, tờ 16 a).

(*còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á đông, nên mua ngay:

Sách thuốc Việt-Nam.	3$50
Tính các vị thuốc.	3 00
Khoa thuốc sử nóng.	2 00
Khoa chữa phổi	1 00
Khoa chữa mắt.	1 00
Khoa chữa trẻ con.	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00

cước quyển lớn 0$69, nhỏ 0$30.

Hỏi: *M. Nguyễn xuân-Dương Lạc long 22 Tientsin Hanoi.*

ĐÃ CÓ BÁN:

Khảo-cứu về Tiếng Việt-Nam
của Trà-Ngân giá 2$50

Các bạn mỗi ngày đều phải có một cuốn **Khảo cứu về tiếng Việt-Nam**, để các bạn nói cho đúng, viết cho đúng tiếng nước nhà. — Các bạn có thể biết cách làm các lối thơ phú, từ, khúc, và còn được thưởng thức những áng văn kiệt-tác trong văn-học giới Việt-Nam.

Công-chúa tóc vàng
Tức Hoa Mai số 32
của Phan-Như giá 0$20

THÁM-HIỂM GỎ KHÚC-RÔNG
Tức Hoa Mai số 33
của Nguyễn Phú Đốc giá 0$10

Nhà xuất bản Cộng Lực
N° 9, Rue Takou — Hanoi

Bút ký

Câu chuyện con số trong thơ'

và nhạc trong thi ca

KIỀU THANH QUÊ

BỤNG liên tài gộp với độ-lượng của Giáo sư Phạm Thiều đã đem đến cho tôi một vinh-hạnh: sống một đêm một ngày lẻ — tức là sống những phút không ăn được, không ngủ được — bên cạnh ông.

...Con đường cát đưa vào nhà ông tối hôm ấy là một con đường tối, cái tối rất xa lạ đối với cặp mắt một kẻ đã từng quáng trước ánh đèn Saigon phù hoa như tôi.

Trải qua quỉ đạo đã bước vào động tiên.

Tuy nhiên, động tiên, ở đây, không phải một nơi sang sảng khúc Nghê-thường với những tiệc rượu tưng bừng ca vũ, mà vẫn là một nơi đầy bóng tối, trong đó phập-phả một ngọn đèn ngày xưa Bồ Tùng Linh không chừng đã dùng chép tập *Liêu Trai chí dị*:

Sau từng cà phê và từng trà, chủ nhân khuyên tôi rằng:

— « Không nên nhai lại cái cũ vì dầu mình noi theo con đường biên khảo »

Theo Phạm quân, không lúc nào bằng lúc này, người nước mình nên lo kiến-thiết tương-lai bằng văn-học

Kiến-thiết bằng cách nào? Phải làm công việc giới thiệu trước nhứt. Nhơn nói chuyện với tôi ông lấy quyển *Tỉ hào Tagore* của tôi đã xuất bản làm tỉ dụ Ông còn mong danh sĩ xứ ta viết nhiều sách để giới-thiệu học thuyết tư tưởng của danh sĩ, thi bảo, triết gia Đông Tây. Phải mở đường cho gió bốn phương thổi vào đô thành văn học Việt-Nam!...

Còn muốn quay lại những áng Việt-Nam cổ văn hay với Việt Nam cổ văn học sử, ta bao giờ cũng nên nghĩ đến sự sáng tác trong biên khảo phê bình.

Lối phê bình thiếu sáng tác, ta có thể bảo lối phê-bình Vũ ngọc Phan đã dùng viết mấy quyển *Nhà văn hiện đại*. Ví dụ như việc phê-bình bộ *Nho giáo* của Trần trọng Kim, họ Vũ chỉ mất công lặp lại lời phê bình của Phan-Khôi cùng những lời đáp lại của Trần trọng Kim thôi.

Xét lại áng văn cổ như *Truyện Kiều*, gần đây người ta cứ nhai đi nhai lại mãi những điều mà lắm kẻ đã viết từ trước: hết kết án Kiều, lại minh oan Kiều, Người ta còn làm một việc hết sức vô ý thức là đem Kiều so sánh với Lục vân Tiên!

Còn quyển *Nguyễn Du và truyện Kiều* tuy có lắm phần sáng tác trong biên khảo, nhưng tác giả nó đã đưa những nhận xét theo khoa học của mình đi xa quá!

***

Nhơn nói về *Truyện Kiều*, giáo sư Phạm Thiều bàn về nghệ thuật dùng con số trong thơ Nguyễn Du. Nghệ thuật ấy thật là kỳ tuyệt!

Nghệ thuật ấy ít thấy dùng trong thơ ca Tàu và thơ ca Pháp. Nếu có dùng cũng khó mà nhận thấy và nhận thức được. Thơ ca Tàu chép ra Hán văn người nước ta ít kẻ thông Hán văn để có thể hiểu được; vì thế thiếu tánh cách phổ thông Còn tiếng Pháp là một thứ tiếng đa âm (polysyllabique). Đọc câu thơ này của Victor Hugo.

Chacun a eu sa part, tous l'ont eu tout entier

ta cũng thấy V. Hugo dùng hai con số: *chacun* (mỗi) và *tous* (tất cả).

Nhưng vì tiếng Pháp là một thứ tiếng đa âm, nên sự *đối chọi* nhau giữa *số ít* (chacun) và *số nhiều* (*tous*) không thấy lưu lộ rõ rệt để đủ gây nên một ấn tượng chắc chắn trong óc người bình thơ

Tiếng ta là một thứ tiếng đơn âm (monosyllabique). Thế nên đọc câu Kiều này:

Mỗi người *một* vẻ *mười* phân vẹn *mười* ta thấy được nghệ thuật dùng con số của Nguyễn Du rõ rệt. *một* chọi hẳn với *mười*; *số ít* chọi hẳn với *số nhiều*.

Mà không có lối thơ nào để ta dễ trông thấy nghệ thuật dùng con số và sự đối-trọi rõ rệt của các con số trong câu thơ bằng lối thơ thượng lục hạ bát là một lối thơ Việt-Nam thuần-túy. Ta không bao giờ có thể tìm được lối thơ ấy trong thơ Tàu hay thơ Pháp.

Lối thượng lục hạ bát của ta được tiêu-biểu đích đáng bởi *Truyện Kiều* và bản dịch *Chinh phụ Ngâm*.

Ta đã kể một câu Kiều. Xin kể thêm vài câu dịch *Chinh phụ ngâm* của bà Thị Điểm :

Tin thường lại người không thấy lại,
Hoa dương tàn đã trải rêu xanh.
Rêu xanh mấy lớp chung quanh.
Sân đi một bước trăm tình ngần ngơ.

Trăm đây, theo Phạm quân, là không phải 99 + 1 hay là : 2 × 50.

Trăm đây là *vô cùng* (infini).

Người chinh phụ trông chồng hễ đi *một* bước, thì nỗi lòng ngần ngơ lại *vô cùng*...

Mà người chinh phụ ấy lại đi trên « mấy lớp rêu xanh ». Ta thử tưởng tượng coi nàng đi bao nhiêu bước ?

Và bao nhiêu bước đi của nàng đem *nhân* (×) với sự « vô cùng », thì ta thử tưởng tượng coi sự ngần ngơ, ngổn ngang trăm mối bên lòng của nàng là dường nào !...

***

Xin kể thêm vài câu *Chinh phụ ngâm* nữa :

Thư thường tới người chưa thấy tới ;
Bức rèm thưa lần dãi bóng dương !
Bóng dương mấy buổi xuyên ngang,
Lời sao mười hẹn chín thường đơn sai.

Ai hẹn với mình *mười lần* mà sai hết *mười*, mình đau đớn thật. Nhưng sự đau đớn của mình chỉ trong một thời gian rất ngắn mà thôi. Vì mình thấy rõ mình không có mảy may hy vọng nào được kẻ ấy thương tưởng đến.

Còn ai hẹn với mình *mười lần* mà sai hết *chín*, được một lần đúng hẹn, thì sự đau đớn của mình dài dằng dặc. . Vì một lần đúng hẹn, người tình của mình đã gieo vào lòng mình một tia hi vọng. Mang tia hi vọng mong manh ấy, mình đau khổ, cho đến chín lần chờ đợi mà không gặp được ý trung nhân ! ..

***

Nhân 8 câu dịch *Chinh phụ ngâm* vừa trích dẫn, giáo sư Phạm Thiều đem so sánh bản dịch với nguyên tác.

Bản dịch *Chinh phụ ngâm* quả có hay hơn nguyên tác của Đặng-Trần-Côn như nhiều người lầm tưởng không ?

Quyết rằng không !

Với ba câu nguyên tác :

Tích niên ký tín khuyến quân hồi,
Kim niên ký tín khuyến quân lại :
Tín lai, nhân vị lai,

Bà Thị Điểm chỉ dịch bằng một câu :

Tin thường lại người không thấy lại.

Thế ta đủ biết bà bỏ mất của nguyên tác bao nhiêu chữ. Bà chỉ dịch có câu *Tín lai nhân vị lai.* Bà bỏ oan mất hai câu :

Tích niên ký tín, khuyến quân hồi,
Kim niên ký tín khuyến quân lai

Dịch nghĩa :

Năm xưa gửi tin khuyên chàng về
Năm nay gởi tin khuyên chàng lại (1)

Đến câu :

Dương hoa linh lạc ủy thương đài

Mà dịch là :

Hoa dương tàn đã trải rêu xanh

Thì cũng không thể gọi là thoát ý được.

Hoa dương màu trắng mỗi độ xuân về rơi rụng... ở đây nó rụng xuống lớp rêu xanh (thương đài) và trao phó ủy) tấm thân cho lớp rêu xanh ấy. *Ủy thương đài* có nghĩa là ủy thác, trao phó thân cho lớp rêu xanh mà dịch là *trải rêu xanh* thì siêu xuất chỗ nào đâu ?

Còn câu :

Thương đài, thương đài, hựu thương đài (2)

Mà bà Thị Điểm dịch :

Rêu xanh mấy lớp rêu xanh

Thì cũng không diễn được hết nghệ thuật dùng con số trong câu thơ của Đặng-Trần-Côn. Đọc câu thơ trong nguyên tác, ta thấy tác giả chỉ rõ người chinh phụ đang nhìn lần lượt 3 lớp rêu xanh : bên tả bên hữu và trước mặt mình. Con số 3, ta thấy rõ ràng trong câu thơ Đặng-Trần-Côn. Thế mà bà Thị Điểm dịch thiếu con số ấy và kể một cách phỏng chừng rằng « rêu xanh mấy lớp rêu xanh ». *Mấy lớp* rêu xanh có thể là hai lớp hay bốn lớp cũng được !

***

Với ba câu nguyên tác này cũng vậy :

Tích niên hồi thư đinh thiếp kỳ,
Kim niên hồi thư đinh thiếp qui.
Thư qui nhân vị qui (3)

Mà bà Thị Điểm dịch là :

Thư thường tới người chưa thấy tới

Thì cũng còn đánh rơi nhiều chữ của nguyên tác !

Đến câu :

Sa song tịch mịch chuyển tà huy

Mà dịch là :

Bức rèm thưa lần dãi bóng dương

Thì mất nghĩa chữ *chuyển* của nguyên tác. Nàng chinh phụ ban nãy đứng trông « ba lớp rêu xanh »

(*Xem tiếp trang 14*)

Biểu số					
	2700	2700	2600	2600	2500
	2400	2400	2300	2300	2200
	2100	2100	2000	2000	1900
	1800	1800	1700	1700	1600
	1500	1500	1400	1400	1300
	1200	1209	1100	1100	1000
	900	900	800	800	700
	600	600	500	500	400
	300	300	200	200	100
Số loại bách, thiên. — ở đây, trong cột theo progression arithmétique, r=300 cứ mỗi cột ta có thể thêm số nọ trồng lên số kia, và cứ thêm 300 thì sẽ thấy những năm xa hơn 2800 trước Tây lịch	Trước (T.L. / Sau (T.L.	T (T.L. / S (T.L.	T (T.L. / S (T.L.	T (T.L. / S (T.L.	T (T.L. / S (T.L.
	0	0	100	100	200
	300	300	400	400	500
	600	600	700	700	800
	900	900	1000	1000	1100
	1200	1200	1300	1300	1400
	1500	1500	1600	1600	1700
	1800	1800	1900	1900	2000

Ở ĐÂU ĐÔNG ÂY GẶP NHAU?

(L. T. S. — Về vấn đề so sánh âm dương lịch, trước đã đăng mấy bài của các ông Long-Điền (số 6), Hoàng Xuân Hãn (số 66), và Đào Trọng-Đủ (số 96). Nay xin đăng thêm bài dưới đây của ông L. (ở Thakhek) để rộng đường kê-cứu).

HỒI mấy năm về trước, tôi đã tìm ra một biểu tính, đã tưởng chỉ riêng dùng trong lúc thăm viếng những đình xưa miếu cũ, cùng khi đọc những sử Việt, Trung, mà muốn biết rõ những năm tân tạo, tu-bổ của các đình, chùa, miếu, điện, hoặc niên-hiệu các triều vua so với Tây lịch kỷ nguyên.

Nay trong báo Tri-Tân số 96 ngày 20 Mai 1943, ô. Đào Trọng-Đủ đã tả một « Thiên-Địa Biểu », vậy chẳng ngại trí thiển vụng-về, tôi cũng xin trình bản tính dưới đây, gọi là hiến chư tôn độc-giả một phút mua vui.

Tôi lại ước ao rằng biểu này sẽ giúp những nhà tân-học tìm kiếm một cách nhanh chóng những kỷ-niên theo dương lịch, khi đọc sử Á-đông mà chỉ thấy đề niên danh theo Can Chi như trong nhiều sách cổ.

	CANH	TÂN	NHÂM	QUÝ	GIÁP	ẤT	ĐINH	MẬU	KỶ	Biểu Thập Can và số lẻ
	0	1	2	3	4	5	7	8	9	
SỐ LOẠI CHỤC	0	60	20	80	40	Thân	Dậu	Tuất	Hợi	Tý	Sửu	Mão	Thìn	Tỵ	Biểu Thập nhị Chi
	10	70	30	90	50	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi	Sửu	Dần	Mão	
	20	80	40	00	60	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Hợi	Tý	Sửu	
	30	90	50	10	70	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Dậu	Tuất	Hợi	
	40	00	60	20	80	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Mùi	Thân	Dậu	
	50	10	70	30	90	Tuất	Hợi	Tý	Sửu	Dần	Mão	Tỵ	Ngọ	Mùi	

Cách-tính

I. — *Muốn tìm năm theo Âm-lịch. Thí-dụ: năm 1832 là năm gì?*

a) tìm cột 1800 bên biểu số (bên trái), loại bách, thiên;

b) cùng ở biểu số, lấy số 30 (loại hàng chục cùng ở một cột với 1800 (hàng thứ tư). Ta sẽ thấy số 30 đi ngang với các chi dần, mão, thìn; v. v.

c) lấy số « 2 » ở biểu Thập-Can ta thấy nó ở cột Nhâm;

d) cứ cột can Nhâm, ta dò trở xuống cho tới hàng thứ tư vừa tìm thấy ở trên (đoạn « b »), ta sẽ gặp chi Thìn.

Năm 1832 là năm Nhâm-thìn.

II. — *Muốn biết mình sinh vào năm nào theo dương-lịch. Thí dụ: Tuổi Bính-tý, trạc ngót 70, vậy sinh vào năm nào?*

a) Trạc ngọt 70, đối với bây giờ, tức là vào khoảng 1800. Tìm cột 1800 bên biểu số. Trong cột ấy, trở xuống, ta sẽ lấy một số loại chục, ngang hàng với chi Tý trong cột Bính; mà trong cột Bính chi Tý đứng ở hàng thứ hai.

b) Ở hàng thứ hai, trong hai cột 1800, có hai số loại chục: 10 và 70. Ta tính nhẩm sẽ biết là 1810 đối với bây giờ đã quá một 100 năm, mà 1870 chỉ 70 năm có lẻ. Nếu tuổi trạc ngót 70 và Bính tý thì sinh vào 1876.

Số lẻ « 6 » là số đứng ở dưới can Bính.

III. — *Muốn tìm năm theo dương lịch mà chỉ biết triều vua nào, cùng niên hiệu thứ mấy*, thí dụ: « *Minh-mệnh thập tứ niên tuế thứ Quý-tị* » là năm nào?

a) Bắt đầu, ta thấy ngay số lẻ của kỷ niên trong cột can Quý, tức là « 3 »

b) Muốn tìm số loại chục, ta dò ở cột can Quý xuống cho tới hàng chi Tỵ. Nếu sóng hàng chi Tỵ với biểu số bên tay trái, ta sẽ thấy những số 30, 90, 50, v. v. biết lấy số nào tuy ngần ấy số đều có thể chứng ở địa-vị hàng chục cả.

c) Tới đây ta cần phải nghĩ rằng: Đức vua Minh-mệnh trị-vì vào đầu thế kỷ thứ 19, nghĩa là vào khoảng 1800; ta tìm 1800, và thấy số ấy ở trên hai số 30 và 90. Lẽ cố nhiên ta phải loại 90, vì nếu lấy 1890, hồi ấy mới gần đây 50 năm, không phải là triều vua Minh-mệnh. Vậy số 1800 (hàng ngàn) và số chục 30 là đúng ta chỉ có việc thêm số lẻ « 3 » đã tìm thấy ở đoạn « a » và viết « Minh-mệnh, thập tứ niên, Quý-tỵ tuế » là năm 1833.

L.

Câu chuyện con số...

(*Tiếp theo trang 11*)

rồi bước đi « một bước trăm tình ngần ngơ ». Đó là quan niệm không-gian (conception de l'espace) của nàng lúc trông chồng.

Bây giờ ta hãy để ý đến quan niệm thời gian (conception du temps) của nàng. Nàng đứng trông ra « bức rèm thưa » thấy ở đó : hễ ánh mặt trời chiều (tà huy) càng xuống thì bóng tối càng dâng lên ; có thể mới gọi là *chuyển tà huy* được. Vì *chuyển* có nghĩa là làm cho xê dịch, chớ không có nghĩa là « dãi » như trong câu bà Điểm dịch.

Còn câu :

Tà huy, tà huy hựu tà huy (4)

Mà dịch là :

Bóng dương mấy buổi xuyên ngang

Thì thật là : chẳng những đánh mất nghệ-thuật dùng con số trong nguyên văn mà còn dễ khiến người đọc hiểu sai con số tác giả đặt trong nguyên văn !

Tà huy, tà huy hựu tà huy, có phải là 3 bóng mặt trời xế chiều không ?

Con số trong câu thơ Đặng-Trần-Côn là không phải 2 + 1 hay 5 — 2 đâu, mà quả là *vô cùng* (infini).

Hôm nay, nàng chinh phụ trông bức rèm thưa thấy bóng mặt trời xế chiều. Ngày mai, cũng thấy thế. Mãi mãi vẫn thấy thế !... Ấn-tượng buồn và lạnh mà nàng cảm-giác được vào những buổi chiều hôm bóng xế. Ôi ! vô cùng vô tận...

Quan niệm về không-gian đã khiến nàng « trăm tình ngần ngơ ».

Bây giờ quan niệm thời gian lại gieo vào lòng nàng một mối buồn man mác... nó đeo dẳng nàng cho mãi đến khi « ngày xanh mòn mỏi, má hồng phôi pha... ». Cho đến ngày tàn, ngày chết. Thế là hết !

Một đêm đã qua... Tuy không ngủ được nhiều nhưng tôi cảm thấy dường như một « giòng suối xuân » của Ivan Tourguenieff đã chảy qua cơ-thể tôi...

Bây giờ đang giữa bữa cơm trưa... Vui vẻ và hài hước, giáo sư Phạm Thiều mời tôi một ly rượu mà ông gọi là « bồ đào mỹ tửu » và ân cần lẫn pha lửng bảo tôi rằng :

Khuyến « huynh » cánh tận nhất bôi tửu
Dữ nhĩ đồng tiêu vạn cổ sầu.

Tôi tưởng hai câu thơ Đường ấy sẽ khơi nguồn cho ông... Rồi chắc ông sẽ ngâm cho cô em gái ông, bạn Dã-Hạc và tôi nghe đôi bài Đường thi.

Nhưng không ! ông bảo : « *ta về ta tắm ao ta, dầu trong dầu đục ao nhà vẫn hơn* ».

Giọng ngâm của ông bỗng cất lên :

Lên cao trông thức mây lồng
Lòng *nào mà chẳng động* lòng *bi thương !*

(Chinh phụ ngâm)

Ông vừa ngâm vừa bình :

— Nàng chinh phụ đứng dưới thấp mà trông áng mây lồng, thì tình cảm của nàng chưa giạt dào bằng lúc nàng lên cao. Ở đó, nàng đứng trước một vòm trời bao la. Những ấn tượng man mác, mông mênh ảnh hưởng sâu và mạnh vào não trang nàng. Mà chẳng phải riêng gì nàng. Bất luận người thiếu phụ trông chồng nào mà đứng ở chỗ cao nguyên như nàng đều phải « động lòng bi thương ».

Ba chữ *lồng, lòng, lòng*, ông ngâm bằng một giọng *trầm bình*. Đến hai chữ « bi thương », ông cất lên bằng một giọng *phù-bình*. Người nghe có cảm giác như đó là sự cực kỳ đau đớn của nàng chinh phụ trông chồng rên rỉ thành thống khổc, hay đúng hơn : như đó là tiếng con chim lúc sắp chết kêu thương !

Muốn diễn hết lời nhạc trong thơ, chỉ phải ngâm và bình mà thôi. Chớ giấy trắng mực đen không thể diễn dịch hết được.

***

Giáo sư Phạm Thiều bảo :

— « Trước hết, ta hãy xem thế nào là nhạc trong thơ. Mê thơ, nghiện thơ, tôi (Phạm Thiều) nhận thấy rằng thơ bao quát cả và tiêu-biểu được các nhành nghệ thuật. Là một kiểu kiến trúc mới lạ, một bức đan thanh mỹ miều, nó còn là và nhứt là một bản đờn tuyệt diệu. Gây bởi một quan niệm riêng, phỏ theo một qui tắc riêng, nó đã gởi thân vào chữ thì phải phục tùng pháp luật của chữ. Nhạc là nhạc. Nhạc trong thơ là nhạc trong thơ. Hai cái đó không thể nào chung lộn được. Bên Tàu, về hồi Tống Nguyên, nhiều thi sĩ thử dựa vào nhạc mà đặt nên lời ; sau rồi bất mãn, họ đành phải tách đi con đường khác mà làm ra những từ khúc biến thể. Bên Pháp, một nhạc sĩ đã phổ bài *Le lac* vào đờn ; thấy vì vậy mà kiệt tác của mình giảm hẳn giá trị đi, thi sĩ Lamartine phải lên tiếng phản đối.

« Nhạc trong thơ sanh ra bởi *thể thơ*. Hát nói khác với ru em ; lục bát khác với thi luật. Số câu số chữ không chừng.

« Nhạc trong thơ sanh ra bởi *vần thơ*. Vần dùng đắc thể thì có khi bình trắc so le, rồi trầm bình lặp lại ra chiều ngơ ngẩn não nùng, để lời ra sau một phù bình kêu vang như tung lên một tiếng than cay đắng ».

Giảng đến đây, ông ngâm lại hai câu :

Lên cao trông thức mây lồng
Lòng nào là chẳng động lòng bi thương.

Rồi ông giảng tiếp :

— « Nhạc trong thơ sanh ra bởi *tiết tấu*. Cùng một câu lục bát vỏn vẹn chỉ mười sáu chữ, nhưng thi nhân đã khéo ngắt ra, hoặc 4 + 4, hoặc 2 + 2 + 2, hoặc 2 + 2 + 4 để diễn đạt mối nhớ nhung, mơ xa, trước cảnh thiên nhiên thờ ơ, hờ hững :

Kéo quân qua cửa Hùng quan
Chim, muôn giọng hót, hoa, ngàn hương đưa.
Nhớ ai, ngơ ngẩn, ngẩn ngơ !
Nhớ ai ? ai nhớ ? bây giờ nhớ ai !

Nhạc trong thơ sanh ra bởi *âm hưởng*. Gồm có chữ trắc chữ bình, tiếng ta là một tiếng nhạc thuần-túy. Ta phải biết vận dụng để thâu được vẻ điều hòa và hay hơn nữa là điều hòa mô phỏng (harmonie imitative). Phong cảnh tiêu sơ thì :

Nao nao giòng nước uốn quanh,
Nhịp cầu nho nhỏ cuối gành bắc ngang

Đường đi trắc-trở thì :

Đoạn trường thay ! lúc phân kỳ :
Vó câu khấp khểnh, bánh xe gập ghềnh ! »

Theo giáo sư Phạm Thiều, nguồn gốc nhạc trong thơ còn ở sự « tư vô tà ». Ông giảng rõ thêm :

— « Khổng-tử có nói : Kinh Thi gồm ba trăm thiên. Một lời cũng đủ bao trùm được, ấy là : ý nghĩ không xiên-vậy (Thi tam bách thiên ; nhứt ngôn dĩ tế chi, viết : Tư vô tà). *Tư vô tà, nguồn gốc của nhạc trong thơ là ở đó.* Nhưng thiệt ra nhạc không riêng gì cho thi sĩ đâu. Ý đã thành, tâm đã chánh, thì động ở trong sẽ có *trật-tự*, phát ra ngoài sẽ được *điều-hòa*. Điều-hòa vẫn giữ được khi mừng, khi giận, khi ghét, khi thương. Điều-hòa sẽ tỏ ra ngoài lời nói, nơi khởi cư và nơi hành động. Điều-hòa ấy tạo nên con thảo cho gia đình, tôi trung cho nhà nước, người hữu dụng cho xã hội. Điều-hòa ấy là khí bạo nhiên, có thiên chức đưa muôn vật lên cõi thọ đài xuân, chìm đắm trong điều hòa bao la của vũ trụ (harmonie universelle) ».

Nhạc trong thơ ! Có hiểu điều ấy theo quan niệm sau rốt của giáo sư Phạm Thiều, ta mới chẳng chê : thơ Đồ Chiểu không có nhạc điệu !

Vâng, thơ Đồ Chiểu có nhạc điệu lắm chớ ! Giáo sư Phạm Thiều có soạn một bài diễn thuyết nói về nhạc điệu trong thơ Đồ Chiểu. Rồi đây có dịp, nhiều bạn nhiệt thành với quốc văn sẽ được nghe « ông giáo hữu duyên về tắm ao nhà » ấy nói...

Bây giờ tôi chỉ xin thuật đoạn kết luận về « nhạc trong thơ Đồ Chiểu » của ông !

— « Chim líu-lo trên cây, sóng ầm ầm ngoài biển, cho ta nghe khúc nhạc vui tươi hay hùng dõng. Cho đến bông hường chúm-chím, gió xuân hiu-hiu, đó lại là khúc nhạc không lời. Thiên nhiên là một bản đờn muôn điệu. Giọng véo von của người mẹ bên chiếc võng ru con, câu kích tráng của kẻ anh hùng dập dồn trông trận, Tiếng ấy tự người nắn ra dưới sức kích-thích của một cảm tình giào dạt. Con tim là một nhạc khí trăm giây. Nhạc là biểu hiệu cho một hoạt-động dịp dàng, trật tự. Không hoạt động thì đời sẽ tiêu ma, không hoạt-động dịp-dàng trật tự thì đời chỉ hỗn-độn. Đời không có nhạc là đời khô khan chết lạnh, mà nhạc không điều hòa, phong nhã, chánh đáng thì ta chỉ có tiếng ồn ào.

« Cụ Đồ Chiểu đã hiểu như vậy Cụ đã trở nên một trong những nhạc sĩ quí hóa của nước nhà mà chính tự cụ không biết. Khúc tâu thiều ấy đã lan ra nơi bao người chung quanh trong thời cụ nhưng âm ba không phải tới đó mà ngừng dứt đâu. Tôi tin rằng bởi một

(Xem tiếp trang 21)

NHÀ XUẤT BẢN

HAO QUANG

Trụ sở 62 Bonard Saigon

Giám đốc : ĐỖ NGỌC QUANG

15 Octobre 1943 sẽ phát hành

NHA NHO

tiểu thuyết của CHU THIÊN

Một thế hệ !
Một nhân vật !
và cả một linh hồn !

Giá : 4$50

Tổng phát hành

HÀN - THUYÊN
71 Tiên tsin Hanoi

Những tên thành Hà-nội...

(Tiếp theo trang 5)

tây huyện, cách 75 dặm ». Liên-lâu thuộc Bắc-ninh, còn Tống bình là Hà-nội : từ Hà-nội đến Lũng-khê, cách hơn 30 dặm (*Khâm-định*, quyển 4, tờ 33 a-b).

Năm 866, Cao-Biền đắp lại thành Đại-la, chu vi non bảy cây số (*Khâm-định*, quyển 5, tờ 10 b).

Hồi bấy giờ những cõi đất thuộc về Hà-nội là những cõi đất nào ? — Xét mấy tên đất của 12 sứ quân (966 967) thì có ba chỗ thuộc về Hà-nội, là : Đỗ-động, Phù liệt và Đằng châu. Đo động nay ở làng Bảo-đa, huyện Thanh-oai ; Tây-phù liệt nay là xã Tây-phù-liệt, huyện Thanh-trì, đều là đất Hà-nội. Đằng-châu nay là xã Đằng-châu, tuy bây giờ thuộc Hưng yên, từ Khâm châu về đời Trần và đời Lê, nhưng bấy giờ cũng thuộc Hà nội (*Khâm-định*, quyển 5, tờ 29 a-30 b)

Đến đời Ngô (939 965), đời Đinh (968-980) Hà-nội không phải là kinh đô nữa ; đời Đinh chia nước làm mười đạo : Hà-nội thuộc vào đạo Giao châu. Sang đời tiền-Lê (980-1009) đổi làm lộ, thì Hà-nội là lộ Giao-châu (*Khâm-định*, quyển 21, tờ 2 a và 32 b).

Đến năm Thuận-thiên thứ nhất (1010), vua Lý Thái-tổ dời kinh-đô ở Hoa-lư (Ninh-bình đến thành Đại-la, đổi tên là « Thăng-long » (nghĩa đen là rồng lên), có tên nữa là « Nam-kinh » (*Khâm-định*, quyển 21, tờ 32 b). Trong nước chia làm 24 lộ : tỉnh Hà-nội lúc ấy có lẽ là một lộ, nhưng sử không chép.

Đời Trần (1225-1413) cũng đóng đô ở Thăng-long : năm Thiệu-bảo (1279-1284) gọi là Trung kinh (*khâm định*, quyển 21, tờ 32 b) ; năm Quang-thái thứ 10 (1397) gọi là Trung-đô (*Khâm-định*, quyển 11, tờ 21 a). Cũng năm ấy (1397) có tên gọi là Đông đô (*Khâm-định*, quyển 11, tờ 29 a).

Đấy là kinh-đô ; còn « tỉnh » Hà-nội thì thế nào ? — Năm 1242 chia trong nước làm 12 lộ, sử không chép Hà nội về lộ nào.

Đến hồi nội-thuộc nước Tàu năm 1407 — 1427, nhà Minh đổi tên nước là Giao-chỉ, đặt ra 17 phủ : trong có phủ Giao-châu, tức là tỉnh Hà-nội, mà kinh-đô Hà-nội tức là dinh trấn-thủ nhà Minh, thì gọi là thành Đông-quan (*Khâm-định*, quyển 12, tờ 20 a).

Khi vua Lê-Lợi lên ngôi (năm 1428) thành Hà-nội vẫn tên là Thăng-long, lại có tên nữa là Đông-kinh (trước kia nhà Hồ gọi là Đông-đô ; sau người Tây theo chữ Đông-kinh viết là *Tonkin* để gọi tên cả xứ Bắc-kỳ). Mùa hạ tháng tư năm 1428, vua Lê-Lợi dời Thảo-điện ở Bồ-đề tới ở thành Đông-kinh (*Đại-Việt sử ký toàn-thư*, quyển 10, tờ 57 b). Tháng ba năm ấy, chia nước làm năm đạo (*Toàn-thư*, quyển 10, tờ 57 b), thì Hà-nội thuộc về đạo Nam.

Năm quang-thuận thứ 7 (1466) đặt « thành » Hà-nội làm phủ Trung-đô, lĩnh huyện Quảng-đức và huyện Vĩnh-xương, huyện có chức huyện-uý, mỗi huyện 18 phường (*Khâm-định*, quyển 21, tờ 32 b). Còn « tỉnh » Hà-nội đặt là Thiên-trường thừa-tuyên (*Khâm-định*, quyển 21, tờ 26 b).

Năm Quang-thuận thứ 10 (1469) đổi phủ Trung-đô làm phủ Phụng-thiên ; phủ có quan phủ doãn, lĩnh hai huyện Quảng-đức và Vĩnh-xương. Kinh-đô Hà nội bấy giờ là phủ Phụng-thiên. Mãi đến năm Gia-long thứ tư (1805) mới đổi làm phủ Hoài-đức (*Khâm-định*, quyển 21, tờ 32 b-33 a), còn « tỉnh » Hà-nội thì năm ấy (1469) gọi là Sơn-nam thừa-tuyên (*Khâm-định*, quyển 21, tờ 26 b và 32 b). Đến năm Hồng-đức thứ 21 (1490) gọi là Sơn-nam xứ ; trong đời Hồng-thuận (1509-1515) gọi là Sơn-nam trấn (Khâm-định) quyển 21, tờ 26 b).

Năm Cảnh-hưng thứ hai (1741, chia Sơn-nam làm Sơn-nam thượng-lộ (nay Hà-nội) và Sơn-nam hạ-lộ (nay Nam-định). Đến đời Tây sơn (1783-1801) gọi kinh-đô Hà nội là Bắc-thành và đổi làm Sơn-nam thượng-trấn và Sơn-nam hạ-trấn (*Khâm-định*, quyển 21, tờ 26 b).

Năm Gia-long thứ nhất (1802) đặt chức Bắc-thành tổng trấn ở kinh-đô Hà-nội, coi tất cả công việc mười một trấn ở Bắc-thành (Sơn-nam thượng và hạ, Kinh-bắc, Sơn tây, Hải-dương, Lạng-sơn, Cao-bằng, Hưng-hóa, Tuyên-quang Thái-nguyên, Quảng yên : xem *Thiên-Nam dư-địa khảo*, quyển 8, tờ 10 b). Phủ Phụng-thiên lúc bấy giờ cũng thuộc về tổng-trấn (*Khâm-định*, quyển 21, tờ 33 a).

Năm Gia-long thứ tư (1805) đổi chữ « Thăng-long », *long* là *rồng* (rồng bay lên). làm chữ « Thăng-long », *long* là *thịnh* (đời thái-bình thịnh-trị), đổi phủ Phụng-thiên làm phủ Hoài-đức, huyện Quảng-đức làm huyện Vĩnh-thuận. (*Khâm-định*, quyển 21, tờ 33a ; *Hà-nội địa-dư*, tờ 3 b) Năm Minh-mạng thứ ba (1822) đổi Sơn-nam thượng-trấn làm trấn Sơn-nam, Sơn-nam hạ-trấn làm trấn nam-định (*Khâm-định*, quyển 21, tờ 27 a). Năm Minh mạng thứ 12 (1831) bãi Bắc-thành gọi thành ấy là Hà nội tỉnh-lỵ đặt các tỉnh *Thiên-Nam dư-địa khảo*, quyển 8, tờ 11 a), lấy ba phủ Ứng hòa, Lý nhân, Thường-tín (nguyên của trấn Sơn-nam, và phủ Hoài-đức, đặt làm tỉnh Hà-nội. Phủ Hoài-đức

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 12

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

IX. — Chức thứ-sử châu Giao về hồi Nam Bắc-triều

Nước Tàu về cuối đời Tấn (265-419) đến Tống (420-477), Tề (478-501), Lương (502-556), Trần (557-588) không đời nào được lâu dài, cho nên chính-lệnh không khắp ra ngoài cõi, thứ-sử sang châu Giao thường bị hại. Sử chép Lý-trường-Nhân là người châu Giao, giết những quan của nhà Tống sai sang giữ lấy châu Giao, tự xưng là thứ-sử; đến khi nhà Tống sai người khác sang làm thứ sử, Lý-trường-Nhân cũng chống-cự, nhưng sau xin hàng, vua nhà Tống đành phải cho làm thứ-sử. Đến khi Lý-trường-Nhân mất, nhà Tống lại sai người sang làm thứ-sử, em Lý-trường-Nhân là Lý-thúc-Hiến cũng bắt-chước anh chống-cự lại. Lúc bấy giờ nhà Tống đã mất, nhà Tề làm vua, vua Tề cho Lý-thúc-Hiến làm thứ-sử. Nhưng Lý thúc-Hiến lại không chịu cống: vua Tề mới sai người sang đánh.. Xem truyện chép dưới này, đủ biết hồi ấy nước ta không được thái-bình thịnh-trị, cho nên thanh-giáo không đến nơi!

Nguyên nhà Tống cho Lưu-Mục làm thứ sử châu Giao, Mục bị bệnh mất. Tháng ba năm mậu-thân (468 sau Thiên-Chúa), hiệu Thái-thủy thứ tư đời Tống Minh-đế, Lý-trường-Nhân là người châu Giao giết những bộ-thuộc của Mục ở Tàu sang, giữ lấy châu, phản nhà Tống, tự sưng là thứ-sử.

Nhà Tống bèn cho tướng Nam-khang là Lưu-Bột làm thứ-sử Giao-châu. Bột đến, bị Trường-Nhân chống-cự. Chưa được bao lâu Bột mất, Trường-Nhân sai sứ xin hàng, tự giáng mình làm việc trong châu: vua Tống bằng lòng cho.

Em Lý-trường-Nhân là Lý-thúc-Hiến. Khi Trường-Nhân mất, Thúc-Hiến do chức quyền thái-thú Vũ-bình, sang lĩnh việc châu Giao. Vì hiệu-lệnh chưa khắp Thúc-Hiến sai sứ sang nhà Tống cầu thứ-sử. Nhà Tống cho thái-thú Nam-hải là Thẩm-Hoán làm thứ-sử châu Giao, mà cho Lý-Thúc Hiến làm Ninh-viễn quân ty-mã, kiêm chức thái-thú hai quận Tân-xương và Vũ-bình.

Lý-thúc-Hiến được mệnh lệnh triều-đình thấy lòng dân phục theo bèn đem quân giữ các chỗ hiểm yếu, không chịu nhận Thẩm Hoán Hoán ở Uất-lâm, rồi mất. Đến năm kỷ-mùi (479) hiệu Kiếu nguyên thứ nhất, nhà Tề cho Lý-thúc-Hiến làm thứ-sử châu Giao để vỗ-về đất Nam. Nhưng sau khi Lý-thúc-Hiến đã được mệnh-lệnh của nhà Tề lại cắt đứt đường cống-hiến!

Năm ất-sửu (485), hiệu Vĩnh minh thứ ba, nhà Tề cho chức đại ty nông là Lưu-Khải làm thứ sử Giao-châu, đem quân ở quận Nam khang, Lư-lăng và Thủy-hưng sang đánh. Lý-thúc-Hiến sai sứ dâng 20 đội bạc tốt, mũ dầu mâu (bằng da của quan võ dùng) và lông khổng tước (tức lông công) nhưng vua Tề không cho lui quân.

Lý-thúc Hiến sợ Lưu khải đánh, mới đi tắt đường từ Tương châu sang chầu vua Tề. Lưu khải bèn vào dinh thứ-sử (chép trong *Khâm định Việt sử*, quyển 3, tờ 29a 30b).

Còn nữa

Ứng hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

(tức phủ Phụng-thiên, nguyên là hai huyện Vĩnh-thuận và Thọ-xương) thì năm ấy thêm huyện Từ-liêm ở phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây (*Khâm định*, quyển 21, tờ 27 a)..

Các tên thành Hà-nội đặt ra lần lượt như thế. Ông Lê-quí-Đôn có câu rằng: « Sơn-thủy hữu tình, không đâu bằng thượng-kinh; phong-vật tốt đẹp, không đâu hơn thượng-kinh... Lấy núi làm vạt áo, sông làm giải lưng, dựa lưng vào núi, ngảnh mặt ra bể, đã mạnh lại hiểm, đã bền lại lâu: thực là cái nền muôn đời của các bậc đế vương... Từ niên-hiệu Thuận thiên (nhà Lý, tức năm 1010 sau T-C), vượng-khí chưa từng tiêu hết » (dịch trong *Quế-đường di-tập*, bản sao của Trường Bác cổ, số A 1320, tờ 1 a và 2 a).

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Dạy học thuốc và chuyên chữa nội-khoa
theo thể thức
ĐÔNG-PHƯƠNG
chỉ có:
Thượng Đức
15 mission Hanoi — Tél. 1629
đã được tin nhiệm hoàn toàn

Trình độ cao thấp...

(*Tiếp theo trang 7*)

khoa Giải-phẫu tỉ-mỉ từng bắp thịt thớ thịt (Anatomie) và khoa Phôi thai tác thể học (Embryogénie).

Cách xếp đặt này kỹ càng tỉ mỉ hơn cách của Cư-Viết; về những chỗ đại cương (les grandes lignes) đã thấy có một thứ tự chắc chắn hơn. Đây hẳng tạm biên nguyên tiếng pháp ra để độc giả dễ nhận thấy cái thứ tự ấy. Muốn xem những Đẳng cấp danh từ ấy bằng tiếng việt, xin chờ khi tôi cho xuất bản cuốn *Việt nam Động vật học.*

I) Protozoaires
II) Metazoaires
A) Corps rayonné (symétrie rayonnée)
1) Eponges
2) Polypes
3) Echinodermes
B) Corps segmenté (symétrie bilatérale)
1) Vers
2) Mollusques
3) Arthropodes
4) Vertébres
a) Poissons
b) Patraciens
c) Reptiles
d) Oiseaux
e) Mammifères
x) Carnivores
y) — Rongeurs
z) — Ruminants.

Độc giả coi cái bảng trên này cũng thấy rằng cách xếp đặt các Động vật như thế đã có thứ tự khá quan lắm rồi. Từ số I (Protozoaires) đến số B, 4 (Vertebrés) đã thấy rõ ràng rằng cách kiến thiết cùng sự Phôi thai mỗi hạng mỗi từng một phiền-phức thêm. Nhưng từ số B 4 a (Poissons) cho đến số B, 4, e, z (Ruminants) thì cái thứ tự về cách kiến thiết lại lù-mờ đi mất rồi, cách xếp đặt thứ tự trên dưới lại theo về sự Phôi thai, cùng cách ăn-uống và vật nuôi sống (l'embryogénie, la massication et le genre de nourriture). Xếp đặt đoạn dưới như thế nghe chừng còn lộn-xộn lắm.

Có thể xếp đặt lại cái đoạn dưới cùng này cho có thứ tự rõ ràng hơn được không? Chưa biết, cái đó là công việc của các nhà Động vật học sau này. Chỗ lộn-xộn đó có lẽ là một cái số (un coin) mà Khoa-học dành cho người Việt-nam để sau này có chỗ mà lập công với Khoa học chăng? Người Nam hãy gia công quan xét tìm tòi đi, không biết chừng thành công cũng nên!

Như tôi, tôi trộm nghĩ có thể vẫn theo cái thứ-tự kia, là cái thứ-tự theo khoa Giải phẫu và khoa Phôi-thai, mà xếp lại các hạng thứ trong ngành Mammifères theo cái ý kiến sau này.

Xem xét các loài có vú theo sự kiến thiết khéo léo hay không để cho con vật cử động được nhiều hay ít, dễ hay khó mà xếp thứ tự. (L'organisation en vue de la variété et de la facilité des mouvements).

Vì cứ xét qua cái hiện tượng (aspect actuel) của các Động vật thì hình như thấy rằng: Trong các Động vật sự kiến-thiết có tinh vi hơn kém nhau một cách liên tiếp thì phải. Mà sự kiến thiết trong một loài càng tinh vi bao nhiêu thì sự tài năng (khéo tay, khéo miệng) càng lớn bấy nhiêu.

Nhờ sự tài năng ấy lớn hay nhỏ mà cái bộ óc do ông Tạo phú-bẩm cho chúng từ khi khởi thủy, có thể nảy nở nhiều hay ít. Một khối óc lúc khởi thủy có thể kém, nhưng nếu nó ở trong một Động vật có tài năng cử động (faculté motrice) lớn thì cũng có thể hiện giờ và sau này tinh khôn hơn một khối óc lúc khởi thủy tinh hơn mà ở trong một con vật kém về sự tại năng cử động vì sự kiến thiết chưa được tinh-vi. Muốn biết rõ cái ý của tôi xếp đặt như thế có phải hay không xin chờ bài Tổng kết nói về «*Khoa học là gì? Óc khoa học là óc thế nào? Làm công việc khoa học phải làm ra sao?*» sẽ đăng ở một kỳ sau.

Nếu ý nghĩ của tôi là phải, thì Động vật học có thể theo sự kiến-thiết tinh-vi hơn kém về đường cử động tài hay không, tức là theo về con đường tiến hoá của tinh-thần, mà xếp lại chút đỉnh các Động vật để cho từ trên xuống dưới có một thứ tự chắc chắn hơn.

Xếp như vậy là xếp theo cả về sự kiến-thiết, cả về cách sanh-dục, cả về tài cử động, cả về đường tinh thần, nghĩa là xếp theo được đủ tất cả các phương diện của sự Sống-còn.

Xếp Động vật mà xếp theo sự Sống đầy đủ hơn, kèm nhau tôi cho là rất hợp lý.

NGUYỄN TRỌNG THUYẾT

Phòng thuốc
CHỮA PHỔI
chuyên môn về bệnh Phổi
15 hàng Bè (Radeau)
Hanoi — Tél. 1630
Giờ mở cửa:
Sáng từ 8 đến 12 giờ
Chiều từ 2 rưỡi đến 7 giờ
Chủ nhật nghỉ buổi chiều
Đặc biệt: *Thứ ba, thứ sáu xem mạch, cho đơn không lấy tiền.*
Ở xa mua thuốc gửi lĩnh hóa giao ngân. Và muốn hỏi bệnh gì, đính theo tem 0$06, sẽ được trả lời ngay.

Tùy hứng

LÒNG MẸ

Nhớ lại giời thu, gió biệt-ly,
Thuyền trôi, trôi cả bóng mây chia.
Nay về bến cũ giòng sông vắng,
Du-tử, bồi-hồi rảo gót đi...

***

Rồi bỗng dừng chân đứng trước thềm,
Kề giăng lấp lánh, lá buông rèm.
Mẹ già, chợt thấy, rưng-rưng lệ,
Quên cả ngoài song mấy tiếng chim.

***

Mấy tiếng chim khuya mới giật mình,
Reo-mừng người cũ, khách phiêu-linh,
Sống thừa, về túp lều tranh cũ,
Giốc chén say-sưa, cạn bất-bình.

***

— « Con từ nhém bút, bước ra đi,
« Đương buổi gió mưa, đâu hẹn về !
« Giời đất bao-la, sầu đặc-đặc,
« Canh dài, đêm vắng, nặng hồn quê.

***

« Con về, lát nữa lại ra đi,
« Nước lặng, non cùng, điệp bóng khuya.
« Con biết mẹ giờ đau-khổ lắm,
« Xum vầy bên cạnh phút chia ly.»

***

Mười mấy năm sương những đợi-chờ,
Mẹ già mái tóc bạc phơ-phơ.
Giời Nam một sáng tin đưa lại,
Con có về đâu !.... Tiếng gió thu !

***

Mấy đêm mồng một với mồng hai.
Một mảnh giăng liềm nhạt-nhạt soi
Mẹ ngồi áu sách xem người cổ,
Tựa cửa chờ con, có những ai ?

***

Từ đêm mười bốn đến hai mươi,
Một tấm gương vàng dịu-dịu soi.
Mẹ ngồi pha nước đầy trăng uống,
Trăng tan, con vẫn một phương giời.

Rồi đêm hăm chín lại ba mươi,
Ba gian nhà trống gió than dài.
Mẹ ngồi tưới lệ tràn thơ rượu,
Rưa cái ly-sầu mấy chén vơi.

***

Những đêm giăng sáng như đêm nay,
Ngoài song, mẹ ngỡ vắng buông đầy.
Xa-xa còn thấy non Yên-tử,
Đem cái sầu lên nối ảng mây

***

Những đêm lạnh-lẽo đếm canh dài,
Đứt nối, rừng sâu, biết tiếng ai.
Cửa sài, mẹ tưởng tay con gõ,
Vội mở. Này thôi ! Vắn lá rơi !

***

Đêm đêm mưa gió lại đêm đêm,
Trông mắt thâm quầng, ngấn lệ hoen
Khóc chết ai đâu, toàn khóc sống,
Lưng giời nay vẫn phủ mây đen ! ..

***

Con mới về đây, đã tính đi,
Mẹ già, gan héo lệ tràn mi.
Đường đời mưa gió. Con ! Dừng lại
Đành cái bồng-tang lỡ một thì

***

— « Hồn con đã hẹn bốn phương rồi,
« Lạy mẹ Con đi. Mẹ gắng vui !
« Nhân-loại thiếu chi bà mẹ khổ
« Con đi cho thấy một ngày mai »

***

Đem áng hồn xưa luyện trái tim,
Con đi gió bụi, biết đâu tìm.
Từ nay mẹ lại đêm đêm thức,
Rừng khuya nghe lá rụng thâu đêm

***

Thâu đêm mẹ lại đếm canh dài
Con một phương giời, mẹ một nơi
Nhớ lấy nhời này. Con ! nhớ lấy
« Con đi cho thấy một ngày mai »

MÔNG SƠN

MỘT BUỔI ĐI THĂM LÀNG DỪA

(Tiếp theo)

THI-NHÂM

Theo nhời chép trong bia thần tích thì Thành-hoàng đình này là ông Lý Phục-Man, một vị công thần đời vua Lý-Nam-Đế (544-548), có nhiều công đức ghi trong sử sách nước ta, đây tôi xin lược dịch tấm bia ấy để công đồng lãm :

« Đại-vương vốn người làng Cổ-sở — sau đổi là Yên-sở — thuở bé hông minh, có tài nghệ hơn người, rất thạo nghề cỡi bắn, càng sở trường về lối bắn cung, có sức khỏe trị nổi loài voi. Thờ vua Lý-Nam-Đế, vua thấy người có khí phách đại trượng phu, có thể đương nổi phương diện, bèn cho theo việc quân nhung, ngài luôn luôn lập được kỳ công. Vua Nam-đế nghĩ đất Đỗ động (1) và Đường-lâm (2) là nơi viễn biên hiểm trở, phi ngài không ai trị nổi, mới cử ngài làm Đại-tướng-quân, sai đi hãn ngự xứ ấy. Ngài đáo nhậm, hiệu lệnh nghiêm minh trộm giặc đều lắng phục, trong cõi êm lặng dân địa-phương được yên ổn làm ăn. Bấy giờ có giặc Lâm-ấp (Chiêm thành) vào cướp quận Cửu đức (3), có tin cáo cấp, Triều đình bàn phi quan Đỗ-động tướng-quân không thể dẹp nổi, vua liền triệu ngài sai thống suất chư tướng đi đánh giặc. Ngài đại phá quân Lâm-ấp ở quận Cửu-đức. Tin thắng trận về đến kinh, vua Nam-đế rất khen ngợi. Nhân ngài có công chinh phục nam dân bèn cho tên là Phục-Man và cho theo họ nhà vua là họ Lý, kết duyên với công-chúa, thăng chức Thiếu-uý, tham dự triều chính.

« Ngài làm quan thanh liêm và trung trực, hay đàn hoặc những kẻ quyền quí, không hề sợ nể, không ai dám cầu cạnh sự gì từ túi. tiếng tăm lừng-lẫy, trong ngoài đều gọi là « Phục-Man tướng-công »

« Đến đời vua Lý Thái-Tổ (1010-1028) thuyền ngự đi tuần qua bến đò Cổ-sở, vua thấy núi sông có linh khí, tâm thần cảm-động, liền rót rượu xuống sông mà khấn. Đêm ấy vua nằm mộng thấy một người cao lớn kỳ dị, diện mạo tươi sáng, đường đường một đấng anh-hào, đến yết kiến và tự xưng là Lý Phục-Man, bày tỏ công trạng khi sống giúp vua Tiền-Lý lập được nhiều kỳ-công, khi mất Thượng-đế khen là người trung-tiết, cho quản lĩnh bộ ôn binh, trị yên nhân-dân một phương, đời vua Tiền-Ngô (939-944) phá giặc Nam-Hán và đời vua Lê Đại Hành (980-1005) phá quân nhà Tống đều hiển linh ủng hộ. Đoạn, lại ngâm bốn câu kệ rằng: (4)

« *Thiên-hạ tao mông muội,*
« *Trung thần nặc tính danh*
« *Trung thiên minh nhật nguyệt,*
« *Tư khả hiện chân hình.*

(Nghĩa là: Thiên hạ gặp lúc tối tăm, thì trung thần giấu tên họ, khi mặt trời mặt trăng đã sáng tỏ, thì có thể hiện chân hình).

«Ngâm xong thì biến mất. Vua Lý-Thái-Tổ tỉnh giấc đem lời thần mộng thuật cùng quan Ngự-sử Lương văn-Nhậm, rồi hạ chỉ cho làng Cổ-sở lập đền to tương theo như người trong mộng để thờ.

« Đời vua Trần Thái-Tôn (1225-1258) ngài lại hiển linh báo mộng trong khi thuyền ngự qua cửa Hát-môn. Khoảng năm Nguyên-phong (1251-1258), giặc Mông-cổ sang lấn nước ta, quân đến bến Cổ sở, ngựa đều tự nhiên quỳ không đi được.

« Đến năm Trùng-hưng (1285-1293) giặc Nguyên lại sang lấn, đi đến đâu đốt phá đấy ; duy khi đến ấp Cổ-sở, tựa như có lệnh ngăn cấm, quân giặc không giám xâm phạm, dân làng yên ổn làm ăn như thường.

« Từ đây về sau, triều vua nào cũng gia phong huy biệu Thành-hoàng, phàm gặp khi đại hạn, hoặc quan võ đi đánh giặc, học trò đi thi, người làm ruộng, kẻ chăn tằm, người ốm đau, kẻ hoạn-nạn, hễ đến cầu đảo đều linh ứng. Bởi thế phương dân thành kính khói hương phụng thờ...»

Bia ấy dựng ngày mồng một tháng trọng thu (tháng 8) năm Mậu-thân niên hiệu Bảo thái thứ 9 đời vua Lê Gụ-tôn (1728). Cứ như văn bia và theo nhời ông thủ-từ, thì đình này có từ đời vua Lý Thái-Tổ (1010 — 1028), đến nay đã ngót một nghìn năm Tuy mưa dầu nắng giãi, đã trải qua mấy lớp trùng tu, song xem ra vẫn còn nền nếp cổ thời, cứ coi cột cái của các tòa đình, cái nào cũng thấp lè tè — cao chỉ độ 3m. là cùng — và qui mô phảng-phất như đền vua Đinh vua Lê ở Trường-yên (5), thì đủ biết đình Yên sở có vào khoảng đời ấy.

Sau khi chiêm bái đình Yên sở, bóng chiều đã xế, chúng tôi ra về với tâm-hồn khoan-khoái, như người nóng khát vừa được cốc nước dừa giải nhiệt. Lúc lên xe quay trở lại con đê sông Đáy, bỗng mấy câu véo von của cô ả hái dâu dưới bãi, như nhắc cho chúng tôi nhớ đến những phong tục ngày xưa của vùng Yên-sở :

« Bơi Đăm, rước Giá, hội Thày,
« Vui thì vui vậy chưa tầy giã La » (6) !
(hết)

Thi-Nham ĐINH-GIA-THUYẾT

1) *Đỗ-động* tức huyện Thanh oai tỉnh Hà đông bây giờ.

2) *Đường-lâm* tức huyện Phúc-thọ tỉnh Sơn tây bây giờ.

3) *Cửu đức* là một bộ trong 15 bộ đời Hùng-vương, bây giờ là tỉnh Hà-tĩnh.

4) Bốn câu kể ấy trong sách *Hoàng-Việt địa-dư* và *Đại-nam nhất thống-chí* cũng có chép

5) Đền vua Đinh vua Lê ở Trường-yên (Ninh-bình) đều dựng từ đời Lý, sau khi lý Thái-Tổ thiên đô từ Hoa-lư ra Thăng-long.

6) *Đăm* là làng Tây-tựu thuộc phủ Hoài-đức. Làng này có tục bơi trải trong những ngày mở đám rất vui. *Giá* tức làng Yên-sở, ngày trước cứ mỗi năm đến ngày 10 tháng 3 đại kỳ phúc, thì cả tổng đều rước thần đến đình Giá hội tế, đám rước đông vui long trọng không đâu bằng. *Thày* tức là chùa Thày (Sài sơn) thuộc tỉnh Sơn tây, nơi đức Từ đạo-Hạnh trút lốt. Hội vào kỳ tháng 3. *La* là làng La-dương, thuộc phủ Hoài đức. Tương truyền ngày xưa mỗi khi dân làng mở hội, đến ngày giã đám, thì con trai con gái họp nhau hát đúm, tỏ lòng mong nhớ trước khi từ giã và hẹn hò nhau đến hội năm sau. Những làng này rước đều thuộc tỉnh Sơn-tây.

Giới thiệu

Bản chí vừa nhận được cuốn : *Triết học là gì ?* của ông *Nghiêm Tử* (Hàn Thuyên xuất bản). Giá 2$50.

Xin giới thiệu cùng các bạn đọc.

Tri-Tân

Câu chuyện con sổ...

(*Tiếp theo trang 15*)

hiện tượng giao thoa, (phénomène d'interférence) từng vòng một vòng một, nó truyền lan ra không khí mà dư âm còn đồng-vọng đâu đây .. Ta hãy hiểu lấy thâm ý của nhạc, nghĩa là thâm ý của đạo làm người. Ta hãy tập rèn cho nên trai hiếu trung, gái tiết hạnh, để mà vui vẻ phụng-sự Lý-tưởng. Khi ấy, nhạc bên trong ăn rập với nhạc ở ngoài để tạo nên những khúc ấm êm tình tứ. Rồi một ngày kia, vào lúc trời quang mây tạnh, trong buổi hòa nhạc của nhân loại giác ngộ và thanh cao, nhạc sĩ Việt-Nam cũng góp một phần cống hiến, để cho thính giả nghe mà khen tấm tắc :

« Xưa sao sầu thảm, nay sao vui vầy ? »

***

Nhạc trong thơ ! Năm xưa tôi đã táo-bạo viết một bài « Nhạc trong thơ » trên một tuần báo: *Văn Lang*.

Như André Gide chỉ cảm thấy vẻ đẹp trong thơ Tagore thôi, chớ không diễn dịch nổi, hồi ấy tôi cũng chỉ cảm thấy lời nhạc trong thơ, chớ không làm sao diễn dịch nổi.

Bởi thế nên có một độc giả viết bài phản đối. Tôi đành phải im ỉm.

Nay ông bạn vong-niên của tôi nhân nói chuyện nhạc trong thơ cho tôi nghe lại nhắc tới bài báo vô giá trị ấy của tôi và kết luận rằng :

— Tội anh thật đáng đè xuống mà đét !

— Này ông bạn vong-niên của tôi ơi ! tội tôi tuy đáng đét thật, nhưng nay tôi xin có bài này dâng ông anh để gọi là « cho khỏi bị đét » !

KIỀU-THANH QUÈ

(1) Nguyễn-đô Mục dịch

(2) Nguyễn-đỗ Mục dịch nghĩa :

Rêu xanh, rêu xanh lại rêu xanh

(3) Nguyễn-đỗ Mục dịch nghĩa :

Năm xưa chàng gởi thư hẹn thiếp về,
Năm nay chàng lại gởi thư hẹn thiếp về,
Thư về người chưa về

(4) Bóng mặt trời xế chiều, bóng mặt trời xế chiều lại bóng mặt trời xế chiều.

Muốn làm giàu mua vé số
Dông Phap
1p·00 một vé

TIN SAIGON

Kính-cáo độc-giả

Tại Saigon, bản báo đã ủy-nhiệm ông *NGUYỄN VẠN AN* thay mặt bản báo để giao thiệp trực-tiếp với các bạn ở Nam kỳ và Cao mên.

Về sự mua báo, đang quảng cáo, các bạn hãy giao thiệp thẳng với ông NGUYỄN-VẠN AN tại *50 đường Lê-văn Duyệt* (Tân định) *Saigon* Xin cảm tạ.

TRI TÂN

TIỂU HUYẾT LỊCH-SỬ

CHÁY CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 7

CHU-THIÊN

Mọi người đồng thanh :

— Xin đại vương tư thảo lấy, vì đại-vương tài trí sâu sắc hơn lũ tiểu tướng nhiều. Lũ tiểu-tướng xin đợi nghe cao ý.

Vậy để ta viết. Văn ta thì cộc lỗng và thực thà.

Nói thế rồi, Đoàn vương cầm bút tỉ-mỉ lên tờ giấy thoăn thoắt luôn mấy trang, xong ngại ngừng, thấp bút lại và đưa cho con là Đoàn Văn đọc. Đoàn công-tử cầm lấy tờ giấy xem lướt qua một lượt rồi lên tiếng đọc to :

« Đông hải tiểu đệ Đoàn Thượng hai lậy dâng thư lên :

« Tôn-huynh, Phù-minh tráng sĩ Đại thắng vương điện hạ soi xét :

« Được tin tôn-huynh đã làm lễ nghinh hôn công chúa họ Trần, giá vào lúc bình thường, thiên-hạ thái hòa, trăm họ yên vui, trên dưới một lòng, trong ngoài một nghĩa, chứ không giáo giở, biến trá như ngày nay, thì đệ đã thân hành đến dưới trướng trước nhất để chúc tụng bách niên giai lão, chóng nầy quế lan .. Nhưng nay họ Trần lấn quyền, trên trái ý giời, dưới hiếp lòng người, làm hại những kẻ trung lương và tôn thất nhà Lý, khiến cho cả thiên-hạ bao kẻ hào hiệp đều giấy lên mong trừ bọn loạn thần tặc-tử ấy. Trần-Thủ Độ thấy thế núng mới phải tìm kế hoãn binh, giả gả ngụy công-chúa cho tôn huynh và tiểu đệ. Có phải hẳn thực bụng hòa thân với mình không ? Đệ chắc quả quyết là không, nên đệ đã đáp thư kể lội hẳn và cả họ hẳn chiêu-chương trước giời đất quỷ thần cao như núi và rộng như bể. Đệ cự tuyệt rất khinh bỉ tàn nhẫn, và hẹn sẽ cất quân về đánh trừ hết bọn gian tà không dung tha.

« Đệ tưởng tôn-huynh đã vì tôn-miếu nhà Lý và phúc lớn muôn dân, cũng séo đạp lên những lời ngon-ngọt của tên gian-tặc Trần Thủ Độ ! Không ngờ tôn huynh lại bỏ cả đại nghĩa, quên cả anh em, đi ưng thuận lấy con gái của kẻ thù chẳng đội giời chung. Mỹ nhân kia đã làm siêu mất chí anh hùng rồi chăng ? Hay là trong công việc nhún nhường ấy, tôn huynh còn dấu diếm một nước cờ cao gì chăng ? Tiểu đệ không biết. Tiểu-đệ chỉ biết Tôn huynh hiện đi trái lại ý nguyện của mọi người và trăm họ, để cho tiểu đệ còn trơ-trọi lại với mưu chí phục thù. Dù sao, còn tiểu đệ với giời đất non sông này, tiểu đệ quyết còn có ngày băm thây sẻ sác kẻ thù, gây lại cương thường mới nghe. Thề ý giời, theo lòng người, tiểu-đệ thề cương quyết theo đuổi một đường cho đến cùng ! Mặc kệ những kẻ ham lợi quên nghĩa, mải yên vui với cảnh sung sướng hèn hạ, giời đất quỷ Thần sẽ trừng trị họ. Đời sau sẽ chửi rủa họ. Bây giờ tiểu đệ chỉ còn biết một mình sửa soạn binh tướng, tìm mưu kế quyết một phen sống mái với họ Trần. Còn ngoài ra, mặc kệ hết !

« Tiểu đệ Đoàn Thượng bái bút ! »

Đoàn-Văn đọc xong đặt tờ giấy xuống. Đông hải vương nhìn mọi người như hỏi ý. Ai nấy đều khen lời thư viết có lễ-độ và vẫn giữ được vẻ trách móc. Không ai xin thêm thắt hoặc chữa lại điều gì. Vương liền sai giao ra tòa Trung-Thư viết lại đằng tả. Đoạn ngài cử Vân Côi làm chánh-sứ, Hòa-đao làm Phó-sứ, dệ quốc thư sang Tráng sĩ Phu-minh Nguyễn-Nộn. Vân-Côi liền đứng lên xin phép nói :

— Tâu đại-vương lệnh đại vương đã ban ra, tiểu-tướng dù thịt nát xương tan cũng không dám cãi lại. Nhưng vì lợi ích của nước nhà, tiểu-tướng mạo muội xin thưa thực : Việc đưa thư sang miền Bắc giao cho Đoàn công-tử làm Chánh sứ và công-tử Thịnh-nguyên làm Phó sứ. Như thế được hai điều lợi : Một là hai công-tử đã một lần sang thông-hiếu bên ấy, vừa quen với lễ-nghi, vừa thân thuộc với cận thần cao-cấp, đường ăn nói có phần dễ. Hai nữa là trong cái việc quan trọng này, đại vương giao cho con đi mà không để cho người ngoài đi, càng tỏ cho vua tôi miền Bắc biết rằng đại vương còn sử thể tình đấy thôi. Chứ nói về lý thì hai bên coi như là đứt đoạn với nhau rồi. Như thế lại hợp cả với lời lẽ trong thư. Xin đại-vương xét lại cho.

Đoàn Đông hải vương liền hỏi lại ý kiến mọi người. Ai ai cũng đều khen lời nói Vân-Côi là phải. Vương liền gật đầu ưng ý phán :

— Nghĩa-sĩ bàn rất hợp ý ta. Vậy ta giao cho Đoàn Văn và Thịnh-nguyên mang thư đi sứ. Các con đi cho được việc và đừng để nhục thể diện ta và toàn thể anh em đây đã tin cậy vào các con. Hôm nay các con sửa soạn để mai đi sớm. Sẽ có một đội kỵ binh đi hộ vệ các con.

Quay lại Vân-Côi, vương phán :

— Tý nữa nghĩa-sĩ thân ra kén chọn lấy một đội kỵ binh hạng nhất và giục sắp sửa cho mai họ đi.

Vân Côi liền tâu.

— Tâu đại-vương tiểu tướng xin tuân mệnh.

— Cuộc hội-đồng thân mật của các vị tráng sĩ miền Đông đã xong. Trước khi để họ giải tán, Đông-hải vương còn giữ họ lại thiết đãi một bữa cơm ngon lành trong bầu không-khí thân ái tin cẩn.

V

Sáng hôm sau Đoàn Văn và Tạnh-nguyên, vận võ-phục đội mũ bình-thiên, vai đeo cung, hông gài kiếm nỗi người mỗi ngựa lên đường sớm. Một đoàn kỵ binh gồm hai mươi người đeo cung cưỡi ngựa, dưới quyền chỉ huy của một võ-quan Bộc-Sa và hai quan vệ-úy đi theo cho trọng thể. Cả đoàn hơn hai chục con ngựa thẳng hàng đều đều nện vó cồm-cộp trên đường đất quằn-quèo qua đồng lúa, làng mạc, rừng núi,.. Giời đẹp dịu dàng. Không khí im lặng và mát rợi Gió sớm nhè-nhẹ hiu hiu thổi, vuốt ve những khách trên mình ngựa đang hăng hái vui vẻ đi vì việc nước. Cánh đồng lúa cuối xuân xanh rờn, đó đây lốm đốm điểm những đám lúa chín vàng, rộng thênh thang thẳng cánh cò bay, vắng-vẻ im lặng như một bãi chiến-trường hiền lành bí mật, lần lượt thu hẹp lại dưới những vó ngựa đều đều của ngoài hai chục con ngựa hùng dũng. Làng rồi lại làng, qua đâu đấy, đoàn sứ bộ đều thấy dân gian kinh hãi chạy chốn, hay cùng bất đắc dĩ phải nép mình bên đường vái chào và đợi cho đoàn người ngựa đi qua mới hoàn hồn mà rảo bước về nhà hay đi làm việc Thành ra khắp lối quan quân đi qua, chỗ nào cũng vắng vẻ lặng lẽ, lạnh-lùng như cõi tha-ma. Đối cảnh ấy, hai chàng công-tử bỗng động lòng thương dân luôn mấy năm lo sợ loạn lạc hai chàng bỗng cùng ghì cương quay lại bảo bọn tùy-tùng.

(*Còn nữa*)

CHU-THIÊN

Các bạn đọc chú ý

Để tạ lòng hưởng ứng của các bạn xa gần, chúng tôi dự định đến cuối tháng Octobre này sẽ ra số:

ĐẶC SAN VỀ THANH NIÊN
trong lịch-sử và văn-học Việt-nam

Xin các bạn đón coi — Sẽ có nhiều bài đứng đắn, nhiều cuộc phỏng vấn công phu.

Số đó sẽ là chỗ gặp gỡ của các nhà văn quen biết mà các bạn thường thấy trên tờ Tri-Tân.

Một vài nhận-xét...

(Tiếp theo trang 3)

Thế là *những* hẹp hơn và có chỉ-định hơn *các*.

Lại như lời một ông trong ban tổ chức cuộc diễn-thuyết nói với thính-giả :

— « *Thưa các ngài, các ngài đã quá yếu mà đến đây để dự thính, chúng tôi thật quả không dám phân biệt gì ; duy có mấy cái ghế này đã để chữ dành riêng cho những ông được mời, nên chúng tôi buộc phải bơ lại* ».

Như vậy *những* vẫn hẹp hơn và có chỉ-định hơn *các*.

Dẫu thế, khi nào muốn tỏ một sự « kiến-diện » hoặc chỉ đích danh thì *các* lại hẹp hơn *những*.

Trong những nhà viết báo tiền khu ở xứ ta có các ông Trương-vĩnh-Ký, Nguyễn văn Vĩnh là xuất sắc lắm.

Hoặc

Các *ông Trần quang - Khải, Trần-nhật-Duật và Trần quốc-Tuấn đều là những tay lòng thất đắc-lực của nhà Trần.*

Nếu ta chịu khó nhận kỹ như g tiếng *các* và *những* theo cách ấy thì sẽ đơ lầm lộn trong khi viết quốc văn.

Để kết luận bài này, tôi xin mượn mấy lời của một bậc tiền bối đã nói : « *Giữ vững được tiếng nói của mình bao nhiêu, tức là giữ chắc được cái chìa khóa để mở nhưng sự trói buộc mình ra bấy nhiêu* ».

HOA-BẰNG

Sách mới

HỌC THUYẾT FREUD

Một học thuyết đã làm chấn động hoàn cầu lần đầu tiên được diễn ra quốc văn do ông

TÔ KIỀU PHƯƠNG. — **Giá 2$50**

Đã có bán

Triết lý về Vũ-trụ và Nhân-sinh

của PHAN MẬT **Giá 2$30**

Nhà xuất bản **TÂN VIỆT**

29 — Lamblot. Hanoi

Đã có bán

SIÊU HÌNH HỌC

của NGUYỄN ĐÌNH THI

Một cuốn **triết học nhập môn** *thật dễ hiểu nhưng không tầm thường. Một cuốn* **triết học sử** *phác được rõ ràng cuộc tiến hóa của nền triết học phương Tây. Một cuộc phân tích cặn kẽ, những khuynh hướng và những kết quả mới mẻ nhất của triết học, khoa học hiện đại. Một tác phẩm đặc biệt trong* « **Tủ sách triết học TÂN VIỆT** »

Những sách của thư xã
ALEXANDRE DE RHODES
ĐÃ XUẤT BẢN

KIM-VÂN-KIỀU, *tome II (trọn bộ)*
cả bản dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH
470 trang 17 X 24 tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
bản thường 3$00 — bản Vergé bouffant 8$50

CHINH-PHỤ NGÂM
cả bản dịch Pháp - văn của **BÙI-VĂN LĂNG**
120 trang 17 X 24 — tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH
bản thường 1$50 — bản Đại - La Impérial 5$00

• SẮP XUẤT BẢN

TRUYỆN TRẺ-EM *của* **PERRAULT**
(Contes de Perrault)
Pháp-văn và Việt văn đối chiếu—Một giai phẩm về nghề in toàn tranh ảnh và bìa 4 màu
của MẠNH QUỲNH
150 trang khổ album 22 X 32 gồm có 8 truyện rất lý thú, đã làm vui các trẻ em thế giới từ 300 năm nay
bản thường 2$50 bản giấy Đại La 12$00
(cước phí như Chinh phụ ngâm)

Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN
của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH
Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng có điển tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn. Có cảm thấy cái hay ấy thì mới để ý đến quốc-văn và ưa chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh chế xuất bản tập **« Văn liệu Từ-điển »** *giảng rõ những tiếng dùng trong quốc-văn mà có điển cố, thật là một cái công to với quốc-văn vì tập sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn một phần lớn ».*

Trích thư của
Đốc học Nguyễn Quang Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16 × 25
Giá bán lẻ có 5$00.

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành
16, Phố Lê Lợi – HANOI
51, Doumer — HAIPHONG

Sách của
Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TẤU

a) Đã được Hội-Đồng duyệt sách cho dùng trong các Học Đường Đông Pháp

1) Trịnh gia Chính Phả (in lần thứ hai). *Giá cũ 0$40*

2) Gương Luân-Lý (hết)

3) Hưng yên địa chí (in lần thứ hai, hết)

4) Bắc giang địa chí dầy 284 trang, có bản đồ phụ đính *Giá cũ 1$50*

b) Vị tiền. (Xã hội tiểu-thuyết) *0$25*
Hoa xưa ong cũ. (Hài-kịch) *0$30*
Từ Hanoi đến Hồ Ba Bể (du ký) *2$00*

Đương in. — *Uyên-hải Tử Bình — Bắc-ninh địa-chí — Ngàn Treo Đanh (Huyền-Đình-Sơn)*

Có bán tại các hiệu sách năm xứ và tại địa-chỉ tác-giả :

Nhật-nham Trịnh-như-Tấu
Tham-tá phủ Thống-Sứ Bắc-kỳ
hay biên-tập-viên báo Tri Tân 95-97
Rue Chanceaulme Hanoi

đã có bán :
Tủ sách « TÂN VĂN HÓA »

TRIẾT HỌC LÀ GÌ ?
của NGHIÊM-TƯ
HAN THUYÊN 2$50

ĐÃ PHÁT HÀNH

LUÂN LÝ THỰC NGHIỆP
của LÊ VĂN SIÊU 2$50

NGÕ HẺM

Một thế giới lụm thụm, nheo nhóc, ồn ào kỳ dị với bao tấn kịch, hoặc vô cùng bi oai hoặc quyết liệt hào hùng dưới ngòi bút nên nói, linh động của.

NGUYỄN ĐÌNH LẠP
Sách giấy hơn 300 trang *3$50*
HÀN THUYÊN : *71 Tien Tsin Hanoi*

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi